

Số: 435 /YCBG-BV

Thái Bình, ngày 05 tháng 4 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm vật tư y tế phục vụ khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình năm 2024 (Đợt 2) với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình
Địa chỉ: Số 530, phố Lý Bôn, phường Quang Trung, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Ms. Phương Thảo, số điện thoại liên hệ: 0369.974.467.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Bản ký đóng dấu: Gửi về Ms. Phương Thảo, phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình (địa chỉ: Số 530, Lý Bôn, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình).
 - File mềm: gửi vào email: quanlydauthau.bvdk tinhthaibinh@gmail.com.
- Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 07h ngày 08 tháng 4 năm 2024 đến trước 17h ngày 19 tháng 4 năm 2024.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

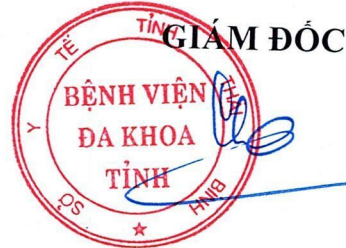
- Danh mục mua sắm vật tư y tế phục vụ khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình năm 2024 (Đợt 2) (Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm);
- Địa điểm cung cấp vật tư y tế: Tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Giao hàng làm nhiều lần theo nhu cầu của bệnh viện.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Tạm ứng: Không áp dụng.



- Thanh toán: Thanh toán làm nhiều lần trên cơ sở hoá đơn, biên bản bàn giao, nhiệm thu của từng lần giao, nhận hàng.
- 5. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi báo giá *theo mẫu tại phụ lục II đính kèm*.
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình kính mời đại diện các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam tham gia báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VTTBYT, TCKT. *pro*



GIÁM ĐỐC
TS-BSCKII. Nguyễn Thị Minh Chính





Phụ lục I: Danh mục Mua sắm vật tư y tế phục vụ khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình năm 2024 (Đợt 2)

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 435 /YCBG-BV ngày 05 tháng 4 năm 2024)

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
1	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên	* Dây dẫn dùng can thiệp mạch máu ngoại biên đường kính 0.018" * Chất liệu lõi Scitanium - Lớp phủ ICE ái nước được phủ trên đầu xa. Chiều dài taper 8 và 12 cm. * Đầu tít cân quang dài 2cm * Chiều dài dây dẫn 110, 150, 200, 300 cm * Tip load: 6 gr, 8 gr - Loại đầu: thẳng và cong. (Hoặc tương đương)	Cái	30
2	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan	Vật liệu nút mạch có chức năng tải thuốc điều trị ung thư gan - Được sử dụng để làm thuyên tắc các mạch của khối u tăng sinh mạch (HVT) trong ung thư gan bằng cách can thiệp vào động mạch. Các hạt có khả năng tải thuốc doxorubicin hoặc irinotecan. - Mỗi lọ chứa 2ml hạt trong dung dịch - Hạt vi cầu tắc mạch tải hóa chất được làm từ PVA (Polyvinylalcohol) có kích thước hạt từ 70-150 μ m; 100-300 μ m, 300-500 μ m - Bao gồm các hạt hydrogel rất nhỏ có khả năng tương thích sinh học, ái nước, không bị cơ thể hấp thu. - Được tạo ra từ cồn polyvinyl - Hạt sau khi tải thuốc có thể giữ được trong vòng 14 ngày ở nhiệt độ 2 - 8 độ C (Hoặc tương đương)	Lọ	50
3	Nẹp maxi thẳng 4 lỗ	Nẹp Maxi thẳng 4 lỗ, chất liệu Titanium, dày 1.3mm, dùng với vít có đường kính 2.4mm. (Hoặc tương đương)	Cái	25
4	Nẹp Mini thẳng 18 lỗ	Nẹp mặt thẳng 18 lỗ tương thích với vít 2.0mm; dày 1.0mm. Chất liệu Titanium. (Hoặc tương đương)	Cái	400
5	Vít xương Maxi	Vít hàm mặt, chất liệu Titanium, đường kính thân 2.4mm, khoảng cách bước ren 1.2mm, dài 10mm, đường kính đầu mũ vít 3.7mm. (Hoặc tương đương)	Cái	100
6	Vít xương Mini	Vít mặt đường kính 2.0mm; dài 6mm; 8mm. chất liệu Titanium, khoảng cách bước ren 1.0mm, đường kính mũ vít 3.0mm. (Hoặc tương đương)	Cái	4500
7	Bây răng các loại	Các cỡ, Chất liệu thép không gỉ (Hoặc tương đương)	Cái	10
8	Bộ lèn ống tủy dọc	Bộ cây lèn dọc đủ số. Chiều dài 21mm hoặc 25mm. Cán kim loại, đàn hồi và chịu lực. (Hoặc tương đương)	Bộ	2
9	Bộ lèn ống tủy ngang	Bộ cây lèn ngang đủ số. Chiều dài 21mm hoặc 25mm. Cán kim loại, đàn hồi và chịu lực. (Hoặc tương đương)	Bộ	5

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
10	Cây nạo ngà	Chất liệu: inox hoặc thép không gỉ. Đầu nạo hình lòng máng, đường kính 1,5-2 mm. Nhiều kích cỡ. Tay cầm dài từ 15-20 cm, nhám chống trượt khi sử dụng (Hoặc tương đương)	Cái	10
11	Cây nèn Gutta	Độ dài từ 21mm - 25mm. (Hoặc tương đương)	Cái	10
12	Châm gai	Chất liệu: Hợp kim không gỉ, đủ độ dẻo, không giòn, không gãy. (Hoặc tương đương)	Vi	100
13	Cung tiger	Thành phần: thép không gỉ. Cấu tạo: gồm cung và dây kềm để bẻ cong, theo hình dạng cung răng (Hoặc tương đương)	Cái	20
14	Đầu lấy cao răng dưới nước.	Hai đầu, gập góc, tay cầm tiện lợi chất liệu Peek (Hoặc tương đương)	Cái	5
15	File H các số	Đầu trám Thép không gỉ, cán nhựa, dài 21/25 mm..., đường kính đầu mũi các cỡ từ 08-45 Canh cắt sắc và bề mặt được xử lý bằng công nghệ tráng gương phẳng mịn Khả năng chống ăn mòn và độ bền cao. (Hoặc tương đương)	Vi	200
16	File K các số	Vi gồm các số. Trám dũa K có những vòng xoắn nhỏ và được dùng để dũa các thành của ống tủy. làm rộng ống tủy và lấy những mô hoại tử (Hoặc tương đương)	Vi	200
17	Giấy chỉnh cắn	Mềm, mịn, không dính, cho dấu răng rõ ràng, độ dai cao, kháng rách. (Hoặc tương đương)	Hộp	5
18	Giấy đánh chất hàn	Giấy dùng trộn chất hàn trong nha khoa (Hoặc tương đương)	Tập	20
19	Gương nha khoa có cán	Sản phẩm bao gồm cán gắn liền với mặt gương với: Bán kính khoảng 1cm -2cm Chiều dài cán khoảng 12.5 cm (Hoặc tương đương)	cái	50
20	Côn Gutapecha	Độ thuôn 4%,5%, 6% dùng cho ống tủy (Hoặc tương đương)	cái	36000
21	Kim đưa xi măng vào ống tủy	Dụng cụ nha khoa đưa chất trám bít ống tủy vào ống tủy. Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương Có độ đàn hồi, mềm dẻo linh hoạt, chịu được nhiệt độ hấp khử trùng. Chiều dài: khoảng 21mm-25mm, các cỡ (Hoặc tương đương)	Cái	50
22	Mặt gương nha khoa	Gương soi nha khoa, đường kính từ 21mm đến 22mm (Hoặc tương đương)	Cái	30
23	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ	Đĩa đệm cổ vật liệu PEEK, ba điểm đánh dấu trục tantalum, được thiết kế với bề mặt răng cưa làm tăng sự ổn định. Kích thước với 14x12mm, 14x14mm, 16x14mm, chiều cao 5,6,7,8,9,10mm (Hoặc tương đương)	Cái/ Miếng g	9

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
24	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng các cỡ	<p>- Vật liệu : Poly-Ether-Ketone- Ketone (PEKK) mô phỏng tương đương với độ cứng của xương, tạo ra cấu trúc bề mặt nhám dạng Nano có khả năng dẫn nước, protein...kích thích sự phát triển các mô xương.</p> <p>- Trên thân có 3 điểm đánh dấu Tantalum giúp xác định vị trí.</p> <p>- Kích thước: Rộng 11,5/13/14mm; Dài : 23, 28, 31,33,34 mm; Cao :7, 8,9, 10,11, 12.5mm.</p> <p>- Khoảng ghép xương lớn với diện tiếp xúc từ 186,222 và 252mm².</p> <p>(Hoặc tương đương)</p>	Cái/ Miếng g	68
25	Bộ bơm xi măng cho cột sống loại thường	<p>1. Bộ bơm xi măng không bóng</p> <p>- Vật liệu nhựa cao cấp y tế.</p> <p>- Hệ thống bơm xi măng không bóng gồm 06 bộ phận : + 01 bộ trộn được trang bị lưỡi dao trộn với công xoay ngoại luân, có cửa sổ mở phía bên để lắp xylanh + 01 phễu đổ xi măng và dung dịch trộn + 01 pittong đẩy xi măng vào xylanh + 01 xylanh chứa xi măng được kết nối với bộ trộn + 01 tay cầm được sử dụng với xylanh + 01 ống nối kéo dài tránh tiếp xúc trực tiếp với tia X</p> <p>- Hệ thống bơm được trang bị van an toàn, được kích hoạt khi áp lực bên trong xylanh quá cao hoặc khi bơm đẩy đi quá nhanh. - Bộ bơm có thiết bị đo và kiểm soát xi măng với áp lực bơm cao (120 bars) - Có chức năng tự động điều chỉnh áp lực bơm. - Dung tích bơm tối đa hơn 10cc - Dùng 1 lần, tiệt trùng sẵn</p> <p>2. Xi măng sinh học kèm dung dịch pha:</p> <p>- Là loại xi măng có độ nhót cao - Bao gồm xi măng dạng bột và dung dịch pha - Xi măng tiệt trùng dạng bột có trọng lượng 20g gồm: + Methyl methacrylate-Styrence-copolymer 68% + Barium sulphate 30% + Benzonyl peroxide 2% - Dung dịch pha có trọng lượng 9g gồm: + Methyl methacrylate (mono-mer): 99.1% + N, N-dimethyl-p-toluidine: 0.9% + Hydroquinone 75ppm - Thời gian làm việc trung bình khoảng 8 phút ở nhiệt độ 22 độ C - Độ kết dính cao, có cản quang - Chỉ định dùng cho bệnh lý về gãy xương thân sống trong các trường hợp loãng xương, ung thư hoặc thương tổn lành tính dùng trong kỹ thuật bơm xi măng có bóng hoặc không bóng, ung thư bao gồm đa u tủy xương hoặc ung thư do di căn từ ngực hoặc phổi</p> <p>- Bảo quản nhiệt độ dưới 25 độ C</p> <p>(Hoặc tương đương)</p>	Bộ	55

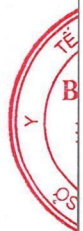
TIA
H V
KH
INH
★

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
26	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống có bóng	<p>1. Kim chọc dò cuống sống: Mũi vít 2 bên, bao gồm: Kim mũi vít và nòng (trocar), vật liệu : Hợp kim y tế, cỡ 11 Gauge</p> <p>2. Kim chọc và khoan thân sống - Vật liệu : Hợp kim và nhựa y tế - Bao gồm: + 02 ống Trocar dạng rộng nòng có đường kính ngoài 4.2mm, có vạch chia trên thân 120mm + 01 nòng bên trong ống Trocar + 01 mũi khoan thân sống có vạch chia độ thể hiện độ sâu vào thân sống trên thân mũi khoan (tối đa 40mm) + 02 kim mũi nhọn + 02 kim đầu tù</p> <p>3. Xi lanh bơm phòng bóng có đồng hồ đo áp lực thể hiện áp lực qua màn hình LCD, Áp lực bơm tối đa 400psi.</p> <p>4. Bóng nong thân đốt sống các cỡ: - Nhiều size và kích cỡ Size 10/3 sau khi bơm bóng tối đa 4cc thì có đk bóng nong tối đa là 15.6mm, chiều dài tối đa là 17.3mm, Size 15/3 sau khi bơm bóng tối đa 4cc thì có đk bóng nong tối đa là 14.3mm, chiều dài tối đa là 19.7mm, Size 20/3 sau khi bơm bóng tối đa 6cc thì có đk bóng nong tối đa là 15.8mm, chiều dài tối đa là 28.2mm - Khi kết hợp với xi lanh bơm phòng bóng có hiển thị áp lực qua màn hình LCD thì áp lực tối đa là 400 psi trong xương xốp</p> <p>5. Xi măng: Là loại xi măng có độ nhớt cao - Bao gồm xi măng dạng bột và dung dịch pha - Xi măng tiệt trùng dạng bột có trọng lượng 20g gồm: + Methyl methacrylate-Styrene-copolymer 68% + Barium sulphate 30% + Benzoyl peroxide 2% - Dung dịch pha có trọng lượng 9g gồm: + Methyl methacrylate (monomer): 99.1% + N, N-dimethyl-p-toluidine: 0.9% + Hydroquinone 75ppm - Thời gian làm việc trung bình khoảng 8 phút ở nhiệt độ 22 độ C - Độ kết dính cao, có cản quang - Chỉ định dùng cho bệnh lý về gãy xương thân sống trong các trường hợp loãng xương, ung thư hoặc thương tổn lạnh tính dùng trong kỹ thuật bơm xi măng có bóng hoặc không bóng, ung thư bao gồm đa u tủy xương hoặc ung thư do di căn từ ngực hoặc phổi - Bảo quản nhiệt độ dưới 25 độ C</p> <p>6.' Bơm áp lực đẩy xi măng vào kim chọc và bộ trộn '- Vật liệu: Nhựa y tế, tiệt trùng sẵn - Giúp trộn và phân phối xi măng vào các kim chọc đẩy xi măng - Bao gồm: + 01 tay trộn + 01 thân bộ trộn dung tích 70cc trong đó có cơ chế khóa Luer + 01 pittong áp lực để đẩy xi măng vào kim chọc + 01 phễu đổ xi măng vào bộ trộn + 01 dây hút chân không + 01 bộ kết nối khí khóa Luer trên thân bộ trộn + 01 kim chọc để hút dung dịch pha vào xi măng thể tích 10ml + 01 xi lanh</p> <p>7. Kim chọc đưa xi măng vào thân sống size 3, vật liệu: Hợp kim y tế, bao gồm ống rộng nòng và dụng cụ đẩy có vạch đo độ sâu, dung tích 1.5cc (Hoặc tương đương)</p>	Bộ	55



STT	Danh mục vật tư tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
27	Nẹp cổ trước 1 tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium - Dài từ 19mm đến khoảng 30mm (khoảng cách chên nhau giữa các nẹp là 2mm hoặc 2,5mm). - Trên nẹp có khóa vít. Xoay 90 độ để khóa vít. - Có điểm khuyết để xác định điểm giữa của nẹp. Có lỗ rộng để quan sát miếng ghép/ xương ghép. - Chiều dày nẹp (A-P): 2.5mm - Chiều rộng: chỗ rộng nhất 17.8mm - Bán kính cong dọc 184mm, bán kính cong ngang 25mm - Cho phép bắt với vít đơn hướng có góc nghiêng 12 độ và vít đa hướng có góc nghiêng 22 độ - Đồng bộ với vít đơn hướng/ đa hướng tự taro đường kính 4.0mm và 4.5mm (Hoặc tương đương)	Cái	8
28	Nẹp cổ trước 2 tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium - Dài từ 32.5 đến 47.5mm (khoảng cách chên nhau giữa các nẹp là 2mm và 2,5mm). - Trên nẹp có khóa vít. Xoay 90 độ để khóa vít. - Có điểm khuyết để xác định điểm giữa của nẹp. Đồng thời có lỗ rộng để quan sát miếng ghép/ xương ghép. - Chiều dày nẹp (A-P): 2.5mm - Chiều rộng: chỗ rộng nhất 17.8mm - Bán kính cong dọc 184mm, bán kính cong ngang 25mm - Góc nghiêng của vít đơn hướng: 12 độ - Góc nghiêng của vít đa hướng tối đa: 22 độ - Đồng bộ với vít đơn hướng/ đa hướng tự taro đường kính 4.0mm và 4.5mm (Hoặc tương đương)	Cái	2
29	Vis hợp kim cổ trước	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium - Có hai loại vít đơn hướng và đa hướng, đường kính 4.0 mm, 4.5mm - Vít đường kính 4.0mm: chiều dài từ 11mm-17mm, bước tăng 1mm, đường kính trong 2.4mm, đường kính ngoài 4.0mm - Vít đường kính 4.5mm: chiều dài từ 11mm-17mm, bước tăng 2mm, đường kính trong 2.9mm, đường kính ngoài 4.5mm - Góc nghiêng của vít đơn hướng: 12 độ lên trên/xuống dưới, 6 độ từ trong ra ngoài. - Góc nghiêng của vít đa hướng: 22 độ/-2 độ lên trên/xuống dưới; 17 độ/4 độ từ trong ra ngoài. - Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc (mỗi đường kính 1 màu khác nhau). - Đồng bộ với nẹp đốt sống cổ trước kèm khóa mũ vít 90 độ (Hoặc tương đương)	Cái	44
30	Nẹp sọ não 16 lỗ	Nẹp sọ não 16-18 lỗ, chất liệu Titan, tương thích vít kích thước 1.65 - 2.6 mm x 5 - 6 mm (Hoặc tương đương)	Cái	120

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
31	Vít Titan sọ não tự taro	Mũ vít chữ thập, đầu vít tự khoan, tự taro, kích thước 1.65 - 2.6 mm x 4 - 6 mm đồng bộ với miếng ghép sọ não lưới Titan và nẹp Titan sọ não 16 lỗ . Làm từ titanium không gây kích ứng cơ thể. (Hoặc tương đương)	Cái	1140
32	Nẹp dọc cột sống	Nẹp dọc gồm 2 loại: * Nẹp dọc cứng đường kính 5,5mm: - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Dài 500mm, trong đó 494mm hình trụ tròn và đầu 6mm hình lục lăng dùng để xoay nẹp. - Có 2 đường kẻ dọc để đánh dấu khi xoay trong chính hình mô gù vẹo cột sống. * Nẹp dọc mềm đường kính 5,5mm: - Chất liệu hợp kim Titanium - Dài 508mm, trong đó 500mm hình trụ tròn và đầu 8mm hình lục lăng dùng để xoay nẹp. - Có 2 đường kẻ dọc để đánh dấu khi xoay trong chính hình mô gù vẹo cột sống. - Nẹp dọc đồng bộ với vít đa trục/ đơn trục và vít khóa trong tự gãy có chiều dài ban đầu là 13.13 mm, chiều dài sau khi vận đủ lực là 4.65mm (chưa tính điểm khuyết của vít khóa trong) (Hoặc tương đương)	Cái	232
33	Vít khóa trong tự ngắt dùng với vít hợp kim ren hình thang tự taro	- Vật liệu: Titanium - Khoảng cách giữa hai bước ren 0.9mm - Đường kính ren 7.863mm - Chiều cao sau khi bẻ mũ vít khóa trong 4.85mm (không tính phần khuyết của vít khóa trong) - Chiều cao ban đầu trước khi bẻ mũ vít khóa trong: 10.38mm - Tự gãy khi vận đủ lực - Đồng bộ với vít cột sống ngược/thắt lưng đa trục rộng nòng qua da và nẹp dọc qua da uốn sẵn 4.75mm (Hoặc tương đương)	Cái	720
34	Vít đa trục các cỡ	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Công nghệ cánh ren ngược - Vít có đường kính: 4.0 đến 8.5mm, chiều dài từ 20-70mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 2.82mm - Chiều cao mũ vít 16.1mm - Chiều dài phần mũ vít trượt trên thanh dọc 9.2mm - Chiều rộng phần mũ vít phần song song với thanh dọc 10.65mm - Chiều rộng phần mũ vít phần vuông góc với thanh dọc 11.4mm - Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là 28 độ. - Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc (mỗi đường kính 1 màu khác nhau). - Đồng bộ với nẹp dọc đường kính 5.5mm và vít khóa trong tự gãy có chiều dài ban đầu là 13.13mm, chiều dài sau khi vận đủ lực là 4.65mm (chưa tính phần khuyết của vít khóa trong) (Hoặc tương đương)	Cái	630



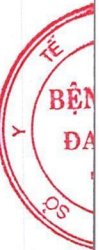
STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
35	Vít đơn trục cột sống các cỡ	Chất liệu: Titanium - Vít có đường kính: 4.0 đến 7.5mm, chiều dài từ 20-50mm - Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc (mỗi đường kính 1 màu khác nhau) (Hoặc tương đương)	Cái	90
36	Nẹp dọc uốn sẵn dùng trong mổ ít xâm lấn các cỡ	- Vật liệu: Cobalt Chrome - Đường kính: 4.75 mm - Uốn sẵn - Chiều dài từ 30mm - 90mm với bước tăng 5mm - Đồng bộ với vít cột sống ngược/thắt lưng đa trục rộng nòng qua da và ốc khóa trong qua da tự gãy có chiều cao ban đầu là 10.38mm, chiều cao sau khi vận đủ lực là 4.85mm (không tính phần khuyết của vít khóa trong) (Hoặc tương đương)	Cái	52
37	Vít đa trục dùng cho mổ cột sống ít xâm lấn	- Mũ vít vật liệu Colbalt Chrome với vòng vương miện Titanium - Thân vít vật liệu Titanium - Vít có hai bước ren để tăng cố định vào xương, phù hợp cho vùng xương xốp và vùng xương cứng - Phần bề của mũ vít lên tới 13.8mm cho phép nắn chỉnh trượt - Vít đi với hệ thống rod 4.75 - Có nhiều loại đường kính khác nhau: từ 4.5mm - 8.5mm, bước tăng 1mm - Chiều dài vít từ 35mm - 80mm với bước tăng 5mm - Đồng bộ với nẹp dọc qua da đường kính 4.75mm và ốc khóa trong qua da tự gãy có chiều cao ban đầu là 10.38mm, chiều cao sau khi vận đủ lực là 4.85mm (Hoặc tương đương)	Cái	116
38	Vít khóa trong tự ngắt dùng trong mổ ít xâm lấn các cỡ	- Vật liệu: Titanium - Khoảng cách giữa hai bước ren 0.9mm - Đường kính ren 7.863mm - Chiều cao sau khi bề mũ vít khóa trong 4.85mm (không tính phần khuyết của vít khóa trong) - Chiều cao ban đầu trước khi bề mũ vít khóa trong: 10.38mm - Tự gãy khi vận đủ lực - Đồng bộ với vít cột sống ngược/thắt lưng đa trục rộng nòng qua da và nẹp dọc qua da uốn sẵn 4.75mm (Hoặc tương đương)	Cái	116
39	Nẹp dọc dùng cho phẫu thuật cổ lồi sau	- Vật liệu: Titanium - Dài 240mm, - Đường kính: 3.2mm. - Dễ dàng uốn theo cấu trúc giải phẫu của từng bệnh nhân - Đồng bộ với vít xóp cột sống cổ lồi sau đa trục cổ sau và vít khóa trong có lòng phía trong lục giác 2.5mm (Hoặc tương đương)	Cái	10
40	Dẫn lưu não thất - ổ bụng van phẳng gắn liền với catheter dẫn lưu bụng kèm que luồn	Loại van phẳng flat bottom. Van đúc liền với 1 catheter dẫn lưu bụng dài 120cm, loại chống xoắn, có kiểm soát trào ngược. Có 1 catheter não thất dài 18cm kèm dụng cụ đặt thả catheter và miếng cố định góc. Các loại áp lực trung bình, áp lực thấp, kèm theo dụng cụ hỗ trợ que luồn.	Bộ	5

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
		(Hoặc tương đương)		
41	Miếng ghép sọ não lưới Titan trong ghép khuyết xương sọ	Cấu trúc lưới thiết kế dạng chữ Y có thể uốn 3 chiều (3D), dễ uốn tạo hình, bề mặt lưới khử oxy hóa quang phổ vàng. - Lỗ bắt vít chìm (counter sink) cho phép vít bắt phẳng với bề mặt lưới. lỗ bắt vít cách nhau 6mm. - Vật liệu Titanium và phù hợp với vít 2.0mm (Hoặc tương đương)	Miếng	20
42	Xi măng sinh học	Đóng gói tiệt trùng sẵn, gồm có : 01 lọ bột xi măng 20g + 01 lọ thủy tinh chứa dung môi. Khối lượng xi măng sau khi pha trộn để bơm tạo thân đốt sống ≥ 20 cc. (Hoặc tương đương)	Gói	20
43	Nẹp cột sống ngực thắt lưng đường trước bên các cỡ	Nẹp dọc dk 5.5mm đồng bộ vít cố định TL-RTI, chất liệu hợp kim titanium, chiều dài 600mm, đầu lục lăng. (Hoặc tương đương)	Cái	5
44	Vít cột sống ngực thắt lưng đường trước bên các cỡ	Chất liệu bằng hợp kim titanium (Ti6Al4V). Bước ren trên thân vít được thiết kế theo công nghệ bước ren đôi, khoảng cách bước ren đôi là 5.3mm. Đầu mũ vít dài 15.5mm, đường kính mũ 14mm, chiều rộng phần đặt dọc là 5.7mm. Chiều rộng mũ vít phần vuông góc với thanh dọc là 14.0mm, chiều rộng mũ vít phần song song với thanh dọc là 11.7mm. Đầu mũ vít và thân vít tăng độ ma sát giúp dễ dàng chèn thanh dọc. Góc cổ vít hình nón 60 độ. Đường kính các cỡ từ 4.5 đến 7.5 mm, chiều dài thân vít từ 20-100mm (mỗi bước tăng 5mm) (Hoặc tương đương)	Cái	20
45	Lồng Titan dùng trong cắt thân cột sống ngực - thắt lưng đường trước bên các cỡ	Chất liệu: Làm bằng hợp kim titanium. - Thân đốt sống nhân tạo có 7 loại đường kính khác nhau: Fi 12, 14, 16, 18, 20, 22, 25mm bề mặt thân đốt được thiết kế các gai bám vào xương lành của phần thân đốt liền kề, thân đốt có hệ thống điều chỉnh tăng hoặc giảm chiều cao, Fi 12, 14, 16 cao từ 10mm – 75mm, Fi 18mm, 20mm, 22mm, 25mm cao 12-140mm, nguyên khối có nhiều sự lựa chọn phù hợp và an toàn với điều trị lao cột sống (Hoặc tương đương)	Cái	5
46	Bộ dẫn lưu não thất ra ngoài trong điều trị giãn não thất cấp tính do chảy máu não thất	Chất liệu Silicone và Polypropylene; Thể tích buồng dẫn lưu 50ml, thể tích túi dẫn lưu 700ml .Catheter não thất cỡ nòng 2.9mm,dài 35cm,có bộ cân chỉnh mức zeroing bằng tay. Tương thích môi trường-MRI ≥ 1.5 Tesla. Thang áp lực đa đơn vị đo. (Hoặc tương đương)	Bộ	5
47	Vít neo dây chằng điều chỉnh độ dài	-Thanh treo có: Vật liệu: Titanium, đường kính: 4.5mm, chiều dài: 14 mm; - Vòng treo làm bằng chỉ siêu bền số 5. - Vít neo có thể bọc bởi một thân khung rộng 6mm dài 21mm, giúp tăng sự sử dụng của vít neo đối với các đường hầm lên tới 12mm. - Vít có tính năng cố định kép bằng ma sát và cơ học sử dụng lực theo chu kì để nén chỉ vào túi khóa làm giảm	Cái	10

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
		sự dịch chuyển. (Hoặc tương đương)		
48	Vít xóp đường kính 6.5mm các cỡ	Đường kính mũ vít 8mm, đầu mũ bắt tuốc nơ vít hình lục giác. Đường kính lõi vít 3mm, đường kính thân có ren 6.5mm, chiều dài đoạn ren từ 22 đến 32mm, chiều dài vít từ 32 đến 140mm. Tiêu chuẩn ISO, CE. Chất liệu thép không gỉ. (Hoặc tương đương)	Cái	535
49	Bộ dây bơm nước trong nội soi chạy bằng máy có hai đường nước vào và ra;	Có duy nhất 1 đường dẫn vào và 1 đường ống hút ra. - Tổng chiều dài dây dẫn đường vào : 4.9m. Trong đó: chiều dài dây dẫn về phía bệnh nhân: 3.4m, chiều dài dây dẫn về phía túi dịch: 1.5m (Hoặc tương đương)	Cái	50
50	Đinh Metaizeau các loại các cỡ	có đường kính từ 2-4 mm, dài 30-40 cm. Đầu đinh cong, nhẹ và đẹp, chất liệu thép không gỉ (Hoặc tương đương)	Cái	80
51	Bộ khung cố định ngoại vi thân xương	Chất liệu bằng thép không gỉ, cấu tạo gồm: - Vít cố định xương: 07 chiếc, dài 15 cm, đường kính 5mm, dùng để bắt vít vào xương - Thanh giá đỡ: 01 chiếc, dài 25 - 35 cm, đường kính 10- 15mm, kèm theo 7 chiếc vít, dùng để cố định thanh giá đỡ và vít cố định xương. (Hoặc tương đương)	Bộ	50
52	Bộ khung cố định ngoài đầu xương	Chất liệu bằng thép không gỉ, cấu tạo gồm: - Vòng cung ½ vòng: 01 chiếc, đường kính 10 – 15 cm, dùng cố định phần đầu xương gần khớp. (Hoặc tương đương)	Bộ	20
53	Chỉ thép liền kim	kim tam giác 1/2C, kim 50mm, sợi chỉ dài 4x45cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu diệt trùng được làm từ sắt, kèm và hợp kim Chrom. Chỉ có khả năng dễ dàng xuyên qua các tổ chức mô mà không gây ra các vết nứt nhỏ, đồng thời cố định vết thương vĩnh viễn. (Hoặc tương đương)	Sợi	500

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
54	Khớp gối toàn phần, thiết kế anatomy theo giải phẫu, có xi măng, loại 2 trong 1: cố định hoặc linh động	<p>Bộ bao gồm:</p> <p>1. Lõi cầu xương đùi có xi măng, chất liệu Co28Cr6Mo, thiết kế phải trái riêng biệt theo giải phẫu, khả năng gấp duỗi trong biên độ 155° - 5°, các cỡ 1, 2, 3, 4, 5, 6 tương đương bề rộng lần lượt là 55,6/58,5/61,5/65,5/70,8/77,2mm, chiều dài lần lượt là 50/52,6/55,4/59,4/64,2/70,2mm, chiều cao lần lượt là 45,6/48/50,4/53,6/57,9/63mm.</p> <p>2. Mâm chày có xi măng, chất liệu Co28Cr6Mo, thiết kế bất đối xứng, phải trái riêng biệt theo giải phẫu. Các cỡ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 tương đương với chiều rộng lần lượt là 60/63,2/66,5/70/74,2/78,7/83,4/88,4mm. Mâm chày ngoài lần lượt là 36,9/38,8/41,1/43,3/45,9/48,6/51,6/54,7mm, mâm chày trong lần lượt là 40,9/43/45,3/47,7/50,5/53,5/56,8/60,2mm. Thiết kế đặc biệt 2 trong 1, thiết kế phải, trái theo giải phẫu, công nghệ đánh bóng (highly polished) tránh mài mòn tối ưu, tùy chọn lớp đệm mâm chày linh động hoặc cố định</p> <p>3. Lớp đệm mâm chày cố định hoặc linh động, vật liệu nhựa cao phân tử UHMWPE, thiết kế phải trái riêng biệt theo kích cỡ của lõi cầu, các cỡ 1, 2, 3, 4, 5, 6. Có 6 độ dày khác nhau: 7mm, 9mm, 11mm, 13mm, 15mm, 17mm</p> <p>4. Xi măng kháng sinh cho khớp gối (xi măng 1G). Có 2 loại: Loại I: 40g bột Ethylene Oxide đã được tiệt trùng, trong đó bao gồm: 34.54g polymethyl Methacrylate (86.35%), 0.96g Benzoyl Peroxide (2.4%), 4.00g Barium Sulfate Ph.Eur. (10%), 0.50g kháng sinh gốc Sulphate Ph.Eur. (1.25%) 1 lọ dung dịch 20ml đã được tiệt trùng chứa: 19.76ml Methyl Methacrylate (98.8%), 0.24ml N,N dimethyl-p-toluidine (1.2%)- 18 đến 20 ppm Hydroquinone Loại II: 41,6g bột trong đó bao gồm: polymethyl Methacrylate, Benzoyl Peroxide, Barium Sulfate, 1g kháng sinh gốc Sulphate 1 lọ dung dịch 14,4g chứa: Methyl Methacrylate, N-N dimethyl-p-toluidine, Hydroquinone.</p> <p>5. Vít bịt mâm chày (Hoặc tương đương)</p>	Bộ	4

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
55	Khớp gối toàn phần, thiết kế anatomy theo giải phẫu, có xi măng, lớp đệm mâm chày cố định	<p>Bộ bao gồm:</p> <p>1. Lõi cầu xương đùi có xi măng, chất liệu Co28Cr6Mo, thiết kế phải trái riêng biệt theo giải phẫu, khả năng gấp duỗi trong biên độ 155° - 5°, các cỡ 1, 2, 3, 4, 5, 6 tương đương bề rộng lần lượt là 55,6/58,5/61,5/65,5/70,8/77,2mm, chiều dài lần lượt là 50/52,6/55,4/59,4/64,2/70,2mm, chiều cao lần lượt là 45,6/48/50,4/53,6/57,9/63mm.</p> <p>2. Mâm chày có xi măng, chất liệu Co28Cr6Mo, thiết kế bất đối xứng, phải trái riêng biệt theo giải phẫu. Các cỡ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 tương đương với chiều rộng lần lượt là 60/63,2/66,5/70/74,2/78,7/83,4/88,4mm. Mâm chày ngoài lần lượt là 36,9/38,8/41,1/43,3/45,9/48,6/51,6/54,7mm, mâm chày trong lần lượt là 40,9/43/45,3/47,7/50,5/53,5/56,8/60,2mm. Thiết kế đặc biệt 2 trong 1, thiết kế phải, trái theo giải phẫu, công nghệ đánh bóng (highly polished) tránh mài mòn tối ưu, tùy chọn lớp đệm mâm chày linh động hoặc cố định</p> <p>3. Lớp đệm mâm chày cố định, vật liệu nhựa cao phân tử UHMWPE, thiết kế phải trái riêng biệt theo kích cỡ của lõi cầu, các cỡ 1, 2, 3, 4, 5, 6. Có 6 độ dày khác nhau: 7mm, 9mm, 11mm, 13mm, 15mm, 17mm</p> <p>4. Xi măng kháng sinh cho khớp gối (xi măng 1G). Có 2 loại: Loại I: 40g bột Ethylene Oxide đã được tiệt trùng, trong đó bao gồm: 34.54g polymethyl Methacrylate (86.35%), 0.96g Benzoyl Peroxide (2.4%), 4.00g Barium Sulfate Ph.Eur. (10%), 0.50g kháng sinh gốc Sulphate Ph.Eur. (1.25%) 1 lọ dung dịch 20ml đã được tiệt trùng chứa: 19.76ml Methyl Methacrylate (98.8%), 0.24ml N,N dimethyl-p-toluidine (1.2%)- 18 đến 20 ppm Hydroquinone Loại II: 41,6g bột trong đó bao gồm: polymethyl Methacrylate, Benzoyl Peroxide, Barium Sulfate, 1g kháng sinh gốc Sulphate 1 lọ dung dịch 14,4g chứa: Methyl Methacrylate, N-N dimethyl-p-toluidine, Hydroquinone.</p> <p>5. Vít bịt mâm chày (Hoặc tương đương)</p>	Bộ	4
56	Đinh nội tuỷ các cỡ	<p>Đinh đặc có 4 lỗ bắt vít (2 lỗ bắt đầu gần, 2 lỗ bắt đầu xa), đinh gập góc ở đầu gần. Đầu xa thuôn nhọn, thân đinh tron. Đường kính đinh từ 8mm đến 12mm, chiều dài đinh từ 220mm đến 420mm.</p> <p>Đinh mũi khế có 2 lỗ bắt vít đầu gần, đầu xa không có lỗ bắt vít nhưng cấu tạo mũi khế có tác dụng cố định đầu xa, thân đinh tron, đường kính đinh từ 7mm đến 11mm, chiều dài đinh từ 190mm đến 360mm. Tiêu chuẩn FDA, chất liệu thép không gỉ. Đồng bộ với Vít chốt ngang SIGN. (Hoặc tương đương)</p>	cái	83



STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
57	Nẹp mắt xích các cỡ	Nẹp sử dụng vít khóa đường kính 3.5mm. Nẹp dày 3-3,2mm, rộng 10-10.2mm, có từ 2 đến 22 lỗ, dài từ 32 đến 312mm. Lỗ bắt vít hình oval đối xứng nhau qua điểm giữa thân nẹp. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ (Hoặc tương đương)	Cái	83
58	Vít xóp rộng lòng 7.0 các loại các cỡ	Đường kính mũ vít 9.5mm, đầu mũ bắt tuốc nơ vít hình lục giác. Đường kính lõi vít 2.2mm, đường kính thân vít có ren 7.0mm, chiều dài đoạn ren 20mm, chiều dài vít từ 30 đến 130mm. Tiêu chuẩn ISO, CE. Chất liệu thép không gỉ. (Hoặc tương đương)	cái	33
59	Vít xóp rộng lòng 4.5 các loại các cỡ	Đường kính mũ vít 8mm, đầu mũ bắt tuốc nơ vít hình lục giác, Đường kính lõi vít 1.7mm, đường kính thân vít tính cả ren 4.5mm, chiều dài đoạn ren từ 6.5 đến 32mm, chiều dài vít từ 12 đến 90mm. Tiêu chuẩn ISO, CE. Chất liệu thép không gỉ. (Hoặc tương đương)	cái	20
60	Stent động mạch vành phủ thuốc	Stent phủ thuốc sirolimus trên nền polymer sinh học tự tiêu kết hợp với lớp kháng thể anti CD-34 chủ động làm lành lòng mạch. Hệ thống ống: Rapid exchange Hàm lượng thuốc: ≤ 5.0 microgram/mm. Độ dày stent: $\leq 0.0040''$ (0.10 mm) Kích thước tối đa của mắc cáo trên stent: 4.5 mm Tiết diện stent (stent profile): ≤ 0.0361 inch/ 0.91 mm Phủ lớp Hydro-X (hydrophilic) ở đoạn xa và tip. Đường kính stent: 2.5 - 4.0 mm. Chiều dài stent: 9 - 38 mm. Áp lực thường: 9 atm Áp lực ngưỡng: 16 atm (Hoặc tương đương)	Cái	50
61	Bộ Sheath để thả dù đóng lỗ thông Ống Động Mạch, Thông Liên Thát, Thông Liên Nhĩ (đặc biệt tốt cho trẻ em)	Bộ dụng cụ bung dù. Thiết kế đặc biệt để đẩy dụng cụ bít AMPLATZER. Thiết kế vỏ tăng cường polymer giúp tăng khả năng kháng xoắn thông qua một lớp bên làm bằng thép không gỉ. Lớp vỏ bọc PTFE giảm ma sát cho phép thiết bị mềm mịn và dễ kiểm soát. Đầu mềm, điểm chặn bức xạ được thiết kế để giảm thiểu nguy cơ tổn thương mạch và hình dung của vị trí. Kích cỡ từ 4F đến 9F (Hoặc tương đương)	Bộ	7
62	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	- Chất liệu bóng: Polyamide - Tương thích guidewire catheter: 5F - Có 2 loại đầu tip: 2mm và 4mm - Áp lực định danh: 11 atm - Áp lực nổ tối đa: 21 atm Kích thước: - Đường kính: 2.5- 4.0mm - Chiều dài: 8- 16mm (Hoặc tương đương)	Cái	60

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
63	Bóng nong mạch vành	<p>Thiết kế đầu bóng Z-tip bám sát dây dẫn. Chất liệu bóng: Nylon Đường kính thân bóng ≤ 0.0336 inch ($\text{Ø } 3.0$ mm) Lớp phủ ái nước (đầu tip đoạn xa đến exit marker của dây dẫn), Lớp phủ kháng nước (lòng trong ống) Đường kính bóng: 1.75 – 5 mm. Chiều dài bóng: 8 – 18 mm. Áp lực thường: 12 atm. Áp lực gây vỡ bóng: ≥ 18 atm. Chiều dài khả dụng của ống thông: ≥ 140 cm. (Hoặc tương đương)</p>	Cái	60
64	Bóng nong mạch vành ái nước hợp chất Polyamide các cỡ	<p>Bóng áp lực thường, được làm từ Polyamide, Đầu xa: chất liệu polyamide, phủ lớp ái nước, đường kính trục ≥ 0.93mm Đầu gần: chất liệu thép không gỉ phủ lớp PTFE, đường kính trục ≥ 0.63mm Catheter sử dụng có chiều dài ≥ 138cm. Được đánh dấu bằng 2 marker platinum-iridium để định vị. Áp lực nổ bóng: 15 - 19 bar Bóng có các đường kính từ :1.5 - 4.0mm. Chiều dài từ :10mm - 50mm. (Hoặc tương đương)</p>	Cái	50
65	Bóng nong mạch vành áp lực thường	<ul style="list-style-type: none"> - Loại bóng bán giãn nở Sermicompliance (riêng đường kính 1.25mm -1.5mm là bóng loại áp lực cao Non compliance) - Chất liệu Comax II, gấp nếp 2 lần với đường kính 1.25 - 1.5mm, gấp nếp 3 lần với đường kính 2.0mm - 2.5mm, gấp nếp 4 lần với các đường kính 2.75mm-4.0mm, phù hợp cho tổn thương hẹp khít lòng mạch - Bóng có 2 marker đánh dấu cân quang với các đường kính 2.0mm - 4.0mm, loại đường kính 1.25mm - 1.5mm có 1 marker - Khẩu kính nhỏ (1.9)F, có lớp ái nước. Thân khỏe cấu trúc xoắn đẩy - Catheter dài 145cm - Bóng xì nhanh, áp lực bơm bóng 6-18atm tùy từng kích thước đường kính bóng (6 atm - 14atm với đường kính 2.0mm-4.0mm; 10atm - 18atm với đường kính 1.25mm-1.5mm)) - Đk từ 1.25 đến 4.0 mm, dài từ 10mm đến 30mm (Hoặc tương đương) 	Cái	50
66	Bóng nong động mạch vành bán đàn hồi	<ul style="list-style-type: none"> -Chất liệu bóng: Polyamide - Tương thích guidewire catheter: 5F - Áp lực định danh: 11 atm - Áp lực nổ tối đa: 20 atm - Đường kính: 1.5- 4.5mm - Chiều dài: 10- 20mm. (Hoặc tương đương) 	Cái	50

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
67	Bóng nong mạch vành	<p>Chất liệu bóng: Nylon</p> <p>Tiết diện thâm nhập đầu tip (tip entry profile): ≤ 0.0164 inch ($\text{Ø}1$ mm).</p> <p>Đường kính bóng: 1 – 4 mm.</p> <p>Chiều dài bóng: 5 – 30 mm.</p> <p>Chiều dài đầu tip: ≤ 1.5 mm</p> <p>Áp lực thường: ≥ 6 atm.</p> <p>Lớp phủ ái nước (đầu tip đoạn xa đến exit marker của dây dẫn), Lớp phủ kháng nước (lòng trong ống)</p> <p>Chiều dài khả dụng của ống thông: ≥ 140 cm.</p> <p>(Hoặc tương đương)</p>	Cái	50
68	Dây bơm thuốc áp lực cao	<p>Sản phẩm bao gồm 3 thành phần sau:</p> <p>01 đầu nối khóa luer đực (dạng xoay), nắp đậy luer</p> <p>01 đoạn ống dây nối áp lực cao, vật liệu PU cao cấp có bện xoắn</p> <p>01 đầu nối khóa luer cái (dạng cố định), nút chặn.</p> <p>Áp lực tối đa: 1200 psi</p> <p>Đường kính trong: 1.8 mm</p> <p>Đầu nối hình côn (Luer) phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 80369-7:2016.</p> <p>Chịu được lực kéo tĩnh không nhỏ hơn 15 N trong 15 s (giây)</p> <p>Sản phẩm có chiều dài: 30-250 (cm)</p> <p>(Hoặc tương đương)</p>	Cái	10
69	Dây dẫn can thiệp tim bẩm sinh	<p>* Dây dẫn dùng can thiệp mạch máu ngoại biên đường kính 0.035", 0.038"</p> <p>* Chất liệu trục thép không gỉ, lớp phủ PTFE</p> <p>* Đầu xa có thể tạo hình 3cm</p> <p>* Chiều dài dây dẫn 75, 145, 180, 260 cm.</p> <p>* Loại đầu tip: J-tip (3 mm) hoặc Straight</p> <p>(Hoặc tương đương)</p>	Cái	7
70	Dây dẫn đường (guide wire) cho bóng & stent dành cho tổn thương tắc hoàn toàn mãn tính CTO	<p>- Đầu tip thiết kế với công nghệ đa lõi ACTONE, phủ lớp ái nước hydrophilic</p> <p>- Độ cân quang đầu tip dài 15 cm</p> <p>- Chiều dài 190cm, 300 cm.</p> <p>- Đầu tip dạng thẳng, dạng uốn sẵn (Pre-shape)</p> <p>- Khả năng tải đầu tip 3.5 gf</p> <p>- Đường kính đầu tip: 0.011, 0.014 inch</p> <p>(Hoặc tương đương)</p>	Cái	30
71	Dù bít Còng ống Động Mạch tương thích MRI (Amplatzer)	<p>Thiết bị tự bung rộng để đóng lỗ thông còng ống động mạch. Vành thiết bị cấu hình thấp và trục vít cuối được thiết kế để giảm thiểu xâm lấn vào động mạch chủ hoặc động mạch phổi. Đan chặt, lớp lưới đơn được cấu tạo để giảm thiểu luồng thông dư sau đặt. Kích thước: 3/2, 3/4, 3/6, 4/2, 4/4, 4/6, 5/2, 5/4, 5/6mm.</p> <p>(Hoặc tương đương)</p>	Cái	2
72	Dù bít lỗ Thông Liên Nhĩ, tương thích MRI	<p>Thiết bị đĩa đôi tự bung rộng được thiết kế cho việc đóng lỗ thông liên nhĩ. Phần eo tự định tâm lấp đầy khiêm khuyết. Thiết bị có thể dễ dàng thu lại và tái định vị cho vị trí tối ưu. Chất liệu Nitinol và đan xen Polyester giúp đóng lỗ và tăng tốc độ phát triển mô. An toàn và hiệu quả: tỷ lệ đóng lỗ 97.2% trong 6 tháng.</p>	Cái	5

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
		Kích cỡ từ 4mm đến 40mm. (Hoặc tương đương)		
73	Dụng cụ lấy dị vật 3 vòng	Dụng cụ bắt dị vật 3 vòng, chất liệu Nitinol hoặc tương đương và dây Platinum xoắn lại với nhau - Chiều dài khoảng 100cm, chiều dài bắt dị vật khoảng 120cm. (Hoặc tương đương)	Cái	2
74	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay	Gồm: vỏ sheath, que nong, dây dẫn đường, kim chọc mạch, van cầm máu. Các cỡ 5F, 6F dài 11cm, mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau. Que nong dài 169mm hoặc 219mm. Guidewire làm bằng thép không gỉ được phủ ái nước có các cỡ 0.021" x 45cm và 0.025" x 45cm. Kim chọc mạch 20G x 45mm hoặc 21G x 4cm. (Hoặc tương đương)	Bộ	500
75	Kim luồn tĩnh mạch không cánh số 22	Nòng kim bằng thép không gỉ, sắc, cắt vát 3 mặt. Thân catheter chất liệu ETFE. Đầu catheter ôm kim. Tiệt trùng bằng trùn điện tử. Kích cỡ kim 22G (Hoặc tương đương)	Cái	800
76	Kim luồn tĩnh mạch không cánh số 20	Nòng kim bằng thép không gỉ, sắc, cắt vát 3 mặt. Thân catheter chất liệu ETFE. Đầu catheter ôm kim. Tiệt trùng bằng trùn điện tử. Kích cỡ kim 20G (Hoặc tương đương)	Cái	1000
77	Cannulae động mạch đùi, 1 tầng	Cannula động mạch đùi có ít nhất các cỡ 15,17,19,21,23Fr, co nối 3/8 hoặc 1/2 in, dài ≥ 30 cm (Hoặc tương đương)	Cái	2
78	Cannulae tĩnh mạch một tầng, mũi kim loại hướng phải 22Fr	Cannula tĩnh mạch 1 tầng đầu cong với thiết kế đầu kim loại, cỡ 22Fr, co nối 1/4 và 3/8 dài ≥ 35 cm (Hoặc tương đương)	Cái	10
79	Cannulae tĩnh mạch một tầng, mũi kim loại hướng phải 24Fr	Cannula tĩnh mạch 1 tầng đầu cong với thiết kế đầu kim loại, cỡ 24Fr, co nối 1/4 và 3/8 dài ≥ 35 cm (Hoặc tương đương)	Cái	10
80	Cannulae truyền dung dịch liệt tim ngược dòng	Cannulae truyền dung dịch liệt tim ngược dòng, các cỡ 12Fr- 24Fr, co nối 1/4 và 3/8 dài ≥ 35 cm (Hoặc tương đương)	Cái	5
81	Canula tĩnh mạch đùi một tầng	Cannulae tĩnh mạch đùi có các cỡ 14Fr, 15Fr, 17Fr, 19Fr, 21Fr, chiều dài 53.3-76.2cm (Hoặc tương đương)	Cái	3
82	Canula truyền dung dịch liệt tim chọn lọc	Cannula động mạch vành có cỡ 10,12,14, trực làm từ thép không gỉ hoặc tương đương (Hoặc tương đương)	Cái	5
83	Canuyn dẫn lưu tim trái các cỡ	Canuyn dẫn lưu tim trái các cỡ, trơn g ngoài tim có các cỡ 10,13,15,16,18,20, làm từ PVC hoặc silicone (Hoặc tương đương)	Cái	10
84	Canuyn động mạch đầu sắt các cỡ	Cannula động mạch chủ đầu cong có các cỡ 20, 22 (6.7mm;7.3mm), chiều dài ≥ 25 cm, đầu nối 3/8 inch hoặc 1/2 inch (Hoặc tương đương)	Cái	10
85	Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng	Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng có các cỡ 5,7,9Fr, dài ≥ 14 cm. (Hoặc tương đương)	Cái	5

THAI
BANK

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
86	Canuyn hút tim trái các cỡ	Cannula hút máu tim trái, trong ngoài tim có các cỡ 10,13,15,16,18,20, làm từ PVC hoặc silicone (Hoặc tương đương)	Cái	5
87	Canuyn tĩnh mạch đầu sắt gấp góc các cỡ	Cannula tĩnh mạch 1 tầng đầu cong với thiết kế đầu kim loại, các cỡ 12Fr- 24Fr, co nổi 1/4 và 3/8 dài ≥ 35 cm (Hoặc tương đương)	Cái	10
88	Canuyn tĩnh mạch thẳng cuộn dây sắt các cỡ	Cannula tĩnh mạch thẳng chống xoắn dài 30.5-40.6 cm, có các cỡ 12Fr- 36Fr (Hoặc tương đương)	Cái	10
89	Canuyn truyền ngược dòng các cỡ	Cannulae truyền dung dịch liệt tim ngược dòng có chiều dài 9- 12.5 in (31.8 cm), các cỡ 10 Fr, 13Fr, 15Fr (5.0mm) (Hoặc tương đương)	Cái	5
90	Canuyn truyền động mạch vành các cỡ	Cannula động mạch vành có các cỡ 10,12,14, trực làm từ thép không gỉ hoặc tương đương (Hoặc tương đương)	Cái	5
91	Kim gốc động mạch chủ các cỡ	Kim gốc động mạch chủ các cỡ có các cỡ 5,7,9Fr, dài ≥ 14 cm. (Hoặc tương đương)	Cái	15
92	Van động mạch chủ cơ học	Van tim nhân tạo cơ học động mạch chủ không phát ra tiếng động. Thiết kế lỗ gờ bằng pyrolytic carbon được gia cố bằng khung titanium. Góc mở cánh van ≥ 85 độ, góc đóng cánh van khoảng ≤ 25 độ. Có tối thiểu các cỡ van 19mm, 21mm, 23mm, 25mm diện tích hình học tương ứng ≥ 1.55 cm ² , 2.02cm ² , 2.56cm ² , 3.17cm ² (Hoặc tương đương)	Cái	2
93	Van tim nhân tạo cơ học hai lá các cỡ	Van tim nhân tạo cơ học hai lá không phát ra tiếng động. Thiết kế lỗ gờ bằng pyrolytic carbon được gia cố bằng khung titanium hoặc tương đương. Góc mở cánh van ≥ 85 độ, góc đóng cánh van khoảng ≤ 25 độ. Các cỡ van 25,27,29,31,33 diện tích hình học tương ứng ≥ 3.17 cm ² , 3.84cm ² , 4.59cm ² , 5.35cm ² , 5.35cm ² (Hoặc tương đương)	Cái	15
94	Van tim sinh học 2 lá các cỡ	Van sinh học được làm từ van động mạch chủ lợn với các yếu tố đem lại độ bền kéo dài cho sản phẩm bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> • Chất liệu chống oxy hóa giúp giảm tối đa lượng canxi bám trên lá van • Có định áp suất thấp ≥ 2 bước Van hai lá sinh học các cỡ 25 -33mm (Hoặc tương đương)	Cái	3
95	Van động mạch chủ các cỡ	Van động mạch chủ sinh học gồm ba lá van riêng rẽ làm từ màng ngoài tim bò được gắn lên khung hợp kim Cobalt-Chromium. <ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc đáy van cong kiểu yên ngựa, khung bắt đối xứng với phần phía lá trước dày hơn giúp trợ lực tốt hơn và phần phía lá sau mỏng, linh hoạt giúp van hoạt động giống sinh lý. - Hệ thống Tricentrix giúp van mỏng gọn, tránh kẹt van khi thao tác. - Chiều cao hai trụ van lá trước thấp, phần trụ van nhô vào thất trái từ 7- 8.5mm tương ứng với các cỡ van từ 	Cái	2

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
		25-33mm, giúp không làm cản trở đường ra thất trái, tối ưu huyết động. - Lá van được xử lý bằng công nghệ ThermaFix, giúp chống vôi hóa, tăng độ bền rõ rệt. - Kích cỡ từ 25- 33mm. (Hoặc tương đương)		
96	Miếng vá sinh học, vá tim, vá mạch máu cỡ 4x4cm	- Chất liệu: màng ngoài tim bò - Chỉ định: để tái tạo mạch máu và thủ thuật cắt bỏ nội mạc mạch. Sử dụng công nghệ mô tương tự để hoàn thiện cho van tim - Đặc điểm: Tương thích sinh học, Độ bền kéo và khả năng duy trì độ chắc chắn của chỉ khâu tuyệt vời, Không yêu cầu chỉ khâu đặc biệt, Độ dày Collagen đồng nhất, Cắt dễ dàng để có hình dạng kích thước mong muốn. - Độ dày 0,35mm-0,75mm. Cỡ 4x4cm (Hoặc tương đương)	Miếng g	5
97	Miếng vá sinh học, vá tim, vá mạch máu cỡ 4x6cm	- Chất liệu: màng ngoài tim bò - Chỉ định: để tái tạo mạch máu và thủ thuật cắt bỏ nội mạc mạch. Sử dụng công nghệ mô tương tự để hoàn thiện cho van tim - Đặc điểm: Tương thích sinh học, Độ bền kéo và khả năng duy trì độ chắc chắn của chỉ khâu tuyệt vời, Không yêu cầu chỉ khâu đặc biệt, Độ dày Collagen đồng nhất, Cắt dễ dàng để có hình dạng kích thước mong muốn. - Độ dày 0,35mm-0,75mm. Cỡ 4x6cm (Hoặc tương đương)	Miếng g	5
98	Bộ phổi nhân tạo cùng bộ dây dẫn máu và bộ gây mê mổ tim các cỡ	Bộ phổi nhân tạo có tích hợp phin lọc động mạch, sử dụng công nghệ tạo bó sợi từng lớp. Thiết kế và chất liệu: - Loại màng: Microporous polypropylene sợi rỗng hoặc tương đương - Diện tích bề mặt lớp màng: khoảng $\geq 2.5m^2$, có màng lọc bên trong với kích thước lỗ lọc ≤ 25 micromet - Dung tích bình chứa: $\geq 4500ml$ Đi kèm bộ dây dẫn tim phổi nhân tạo, chất liệu PVC hoặc silicone. (Hoặc tương đương)	Bộ	20
99	Mạch máu nhân tạo PE chữ Y các cỡ	- Cấu trúc hai lớp nhưng đan 2 mặt trong và ngoài giúp tăng sự hòa nhập mảnh ghép với mô xung quanh - Tâm nhuận bằng gelatin bò bằng liên kết chéo với Isocyanate ngăn sự thấm máu qua thành mạch ra ngoài, thời gian gelatin hấp thu hoàn toàn 4-8 tuần - Dài 40 cm; đường kính thân chung 16; 18; 20 mm, đk nhánh 8; 9; 10mm (Hoặc tương đương)	Cái	10
100	Mạch chữ y có tráng bạc	Mạch máu nhân tạo tráng bạc kháng khuẩn nhằm dự phòng lâu dài loại chia đôi, bề mặt ống ghép kháng khuẩn được cấp bằng sáng chế, ức chế nhiễm trùng ống ghép lâu dài, làm giảm sự bám dính của vi khuẩn, bảo vệ chống lại vi sinh vật thể hiện tính tương thích sinh học cao, hỗ trợ chữa lành không gây biến chứng. Kích cỡ: đường kính 16 x 8 mm; 18x9 mm; chiều dài 40 CM (Hoặc tương đương)	Cái	5

BỆNH ĐA T

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
101	Mạch thẳng có tráng bạc	Mạch máu nhân tạo tráng bạc kháng khuẩn nhằm dự phòng lâu dài loại thẳng, bề mặt ống ghép kháng khuẩn được cấp bằng sáng chế, ức chế nhiễm trùng ống ghép lâu dài, làm giảm sự bám dính của vi khuẩn, bảo vệ chống lại vi sinh vật thể hiện tính tương thích sinh học cao, hỗ trợ chữa lành không gây biến chứng. Kích cỡ: Dài 60 CM đường kính 6m (Hoặc tương đương)	Cái	5
102	Bộ quả lọc tim phổi nhân tạo	" - Tốc độ lọc: 61 ml/h/mmHg - Chất liệu sợi lọc: Polyethersulfone - Diện tích màng lọc 1,4 m ² - Thể tích mỗi : 85ml - Số sợi lọc: 8600 sợi - Áp lực xuyên màng : <45mmHg - Chiều dài quả lọc 305 mm - Đường kính quả lọc: 55mm - Bộ lọc cô đọng máu có khả năng lọc Urea, photphat, Vitamin B12, creatinine. - Urea : 188 - Creatinine : 177 - Photphat : 172 Vitamin B12 : 143 - Đường kính sợi lọc: 200µm - Độ dày thành lọc: 30µm" (Hoặc tương đương)	Bộ	10
103	Ống thông (Guiding catheter) phủ Hydrophilic Z-Glide hỗ trợ đẩy sâu trong can thiệp tắc động mạch vành phức tạp mạn tính	Catheter có các cỡ 6F, 7F, 8F Lớp phủ Z-Glide hydrophilic Có vòng trục Platinum Iridium, có marker đầu xa, vòng trục chặn xạ Chiều dài 150cm (Hoặc tương đương)	Cái	38
104	Catheter chụp động mạch vành, buồng tim và mạch máu (phải/ trái/ thất trái...)	Ống thông dùng trong can thiệp tim mạch Ứng dụng Flextrusion: đoạn xa mềm, trục gần cứng. Thiết kế cấu trúc bện đôi. Kích cỡ: 5F, 6F. Chiều dài 80cm - 125cm Chất liệu có cản quang, tương thích guide wire 0.038" (Hoặc tương đương)	Cái	100
105	Micro Catheter siêu nhỏ dạng xoắn đặc biệt dùng cho tổn thương tắc mạn tính, đường kính 1.9F	- Thân dạng SHINKA cấu trúc dạng bện (được bện từ 10 sợi dây) - Chiều dài: 135 cm, 150cm. - Đường kính ngoài đầu tip 0.42 mm, đường kính trong: 0.38 mm - Đường kính ngoài phần thân xa: 2.6 Fr - Đường kính ngoài phần thân gần: 2.8Fr (Hoặc tương đương)	Cái	10

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
106	Vi dây dẫn đường cho bóng và stent loại đặc biệt dùng cho tổn thương tắc mãn tính động mạch vành	- Đầu tip thiết kế với công nghệ đa lõi ACTONE, phủ lớp ái nước hydrophilic - Độ cân quang đầu tip dài 15 cm - Chiều dài 190cm, 300 cm. - Đầu tip dạng thẳng, dạng uốn sẵn (Pre-shape) - Khả năng tải đầu tip 3.5 gf - Đường kính đầu tip: 0.011, 0.014 inch (Hoặc tương đương)	Cái	40
107	Bóng nong mạch vành áp lực cao	-Bóng nong mạch vành áp lực cao. Chất liệu Polyamide resin. Vai bóng dài 2.5mm. Đường kính đầu tip: 0.43mm - Chiều dài catheter: 1460mm - Áp suất thông thường: 12atm, áp suất giới hạn: 22atm. - Đường kính bóng: Tối thiểu 1.5mm và tối đa 4.5mm. - Chiều dài bóng: 8 - 30mm (Hoặc tương đương)	Cái	45
108	Vòng van 3 lá 3D cứng với thiết kế vòng hở cỡ 24-36mm	Vòng van ba lá 3D cứng bằng lõi titanium bọc silicone. - Thiết kế vòng van khuyết giúp tránh tác động lên vùng dẫn truyền điện tim. - Chiều dày vòng van $\leq 3,3$ mm. - Kích cỡ từ 24-36 mm. - Có các marker bằng chỉ màu xanh, thuận tiện cho định hướng, đặt và khâu cố định vòng van. - Tay cầm trong suốt, uốn cong được, được khoét lỗ, giúp dễ quan sát phẫu trường, dễ dàng tháo rời bằng một nhát cắt. (Hoặc tương đương)	Cái	5
109	Ống thông hút huyết khối	Chiều dài ống hút 145cm. Có hai kích thước 6F và 7F. Ống dò dài 127cm, đường kính nhỏ 0,35mm Marker định vị cách đầu tip 3mm. - Một bộ hút huyết khối bao gồm: 01 thân ống hút, 01 lồng bơm, 02 bộ lọc, 01 dây nối có 1 đầu khóa 2 chạc, 01 kim chọc. (Hoặc tương đương)	Bộ	40
110	Dây dẫn đường cho catheter loại ngâm nước, lớp cân quang bằng vàng	Lõi dây làm bằng hỗn hợp Ni-Ti, Polyurethane, phủ ái nước Hydrophilic - Có 1 marker định vị bằng lớp mạ vàng - Chiều dài 150-260cm - Đường kính 0.035" - Đầu tip: Dạng cong và thẳng (Hoặc tương đương)	Cái	300
111	Bông không thấm nước	100% bông xơ tự nhiên, màu vàng, không thấm nước (bông không hút nước) (Hoặc tương đương)	Kg	5
112	Bông ép sọ não (1,5cm x5cm)	100% bông xơ tự nhiên, kích thước 1,5cmx5cm. Được tiệt trùng bằng khí EO (Hoặc tương đương)	Cái	3500
113	Bông ép sọ não (4cm x5cm)	100% bông xơ tự nhiên, kích thước 4cmx5cm. Được tiệt trùng bằng khí EO (Hoặc tương đương)	Cái	4000

TỈNH
VIỆ
IOA
H

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
114	Băng bó bột 10cm x 360cm	Cuộn dài 360cm rộng 10cm. Bột bó liền gạc (Hoặc tương đương)	Cuộn	4500
115	Băng bó bột 15cm x 360 cm	Cuộn dài 360cm rộng 15cm. Bột bó liền gạc (Hoặc tương đương)	Cuộn	4500
116	Băng thun 3 móc	Sản phẩm được làm từ sợi cotton se tròn hoặc polyester kết hợp với sợi cao su tự nhiên. Sợi mảnh, mềm, đàn hồi tốt. Dùng để cố định các khớp xương, bong gân.... Có 3 móc cài bằng nhôm hoặc thép không gỉ để cố định băng. Kích cỡ 10cm x 5m (Hoặc tương đương)	Cuộn	5400
117	Băng thun có keo cố định khớp	Băng thun có keo cố định khớp 8cm x 4.5m (Băng cuộn co giãn) (Hoặc tương đương)	Cuộn	240
118	Băng cuộn vải	Kích thước: 7cm x 2,5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. (Hoặc tương đương)	Cuộn	25000
119	Băng dán cá nhân	Băng cá nhân vải có độ dính cao 2cm x 6cm (Hoặc tương đương)	Miếng g	10000
120	Bông gạc đắp vết thương vô trùng	Sản phẩm được làm từ 2 lớp vải không dệt hút nước bên ngoài, và 1 lớp đệm bông tự nhiên tinh chế (100% cotton) ở giữa. Tiệt trùng bằng khí EO. Kích thước tối thiểu 7cm x 15 cm (Hoặc tương đương)	Miếng g	12500
121	Gạc phẫu thuật vô trùng	Gạc hút 100% cotton. Kích thước 10cm x 10cm x 12 lớp. Tiệt trùng bằng khí EO (Hoặc tương đương)	Miếng g	62000
122	Gạc phẫu thuật không dệt vô trùng	Gạc được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Vải dạng lưới có lỗ, mềm, mịn, có màu trắng đồng nhất. Tiệt trùng bằng khí EO. Kích thước tối thiểu 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp (Hoặc tương đương)	Miếng g	5000
123	Sáp cầm máu xương	Được sản xuất từ sáp ong tự nhiên. Được sử dụng để kiểm soát sự chảy máu trên các mô xương. Kích thước tối thiểu 2.5gr. (Hoặc tương đương)	Miếng g	288
124	Vật liệu cầm máu cellulose	Vật liệu cầm máu dạng bông ép tự tiêu, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp, kích thước 10cm x 20cm (Hoặc tương đương)	Miếng g	300
125	Vật liệu cầm máu Gelatin	Vật liệu cầm máu Gelatin. Kích thước 8cm x 5cm. (Hoặc tương đương)	Miếng g	50

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
126	Vật liệu cầm máu collagen	Vật liệu cầm máu collagen tự tan, kích thước 5cm x 8cm (Hoặc tương đương)	Miếng	156
127	Vật liệu cầm máu Gelatin dạng bột xốp	Vật liệu cầm máu Gelatin dạng bột xốp, màu trắng đục, làm từ Gelatin lợn, kích thước 80mm x 50mm x 10mm. (Hoặc tương đương)	Miếng	20
128	Kim chích máu	Chất liệu thép không gỉ. sắc. (Hoặc tương đương)	Cái	10000
129	Kim chọc dò tủy sống các cỡ	Kim được làm bằng thép không gỉ, với đầu nhọn. Đốc kim làm bằng nhựa trong suốt dễ dàng quan sát được dịch chảy ra. Các cỡ từ 18G đến 27G (Hoặc tương đương)	Cái	4850
130	Kim sinh thiết tổn thương cổ tử cung	Chất liệu thép không gỉ. Các cỡ (Hoặc tương đương)	Cái	3
131	Dây truyền thuốc sử dụng 1 lần dùng cho bơm tiêm thuốc cân quang 2 nòng	Dây truyền chữ Y dài tối thiểu 150cm 2 nòng. Áp suất tối thiểu 300psi. (Hoặc tương đương)	Bộ	90
132	Dây truyền thuốc sử dụng 1 lần dùng cho bơm tiêm thuốc cân quang 1 nòng	Dây truyền chữ Y dài tối thiểu 150cm 1 nòng. Áp suất tối thiểu 300psi. (Hoặc tương đương)	Bộ	60
133	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện dài tối thiểu 150cm bằng polyethylene hoặc PVC y tế, có đầu khóa vặn xoắn an toàn, không có DEHP, chống rò rỉ. (Hoặc tương đương)	Cái	12000
134	Găng tay không bột	Găng tay, không bột, bề mặt ngoài nhám. (Hoặc tương đương)	Đôi	2000
135	Túi camera	Làm từ nylon; Có dây buộc 2 ly. Kích thước túi nylon tối thiểu 9cm x 14cm. Tiệt trùng bằng khí EO. (Hoặc tương đương)	Cái	4600
136	Túi chụp bóng đèn 20cm x50cm	Chất liệu nylon PE hoặc tương đương - Kích cỡ 20cm x 50cm. Tiệt trùng bằng khí EO. (Hoặc tương đương)	Cái	100
137	Túi chụp bóng đèn 70cm x100cm	Chất liệu nylon PE hoặc tương đương - Kích cỡ 70cm x 100cm. Tiệt trùng bằng khí EO. (Hoặc tương đương)	Cái	1000
138	Túi máu ba 250ml	Gồm một túi chính có chứa dung dịch chống đông để thu thập máu toàn phần và hai túi phụ. Mỗi túi có thể tích 250ml; Túi chính: Dung dịch CPD để ngăn ngừa đông máu và bảo quản máu; Túi phụ 1: Bảo quản tiểu cầu; Túi phụ 2: chứa dung dịch để bảo quản hồng cầu. (Hoặc tương đương)	Cái	5100

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
139	Túi máu ba 350ml	Gồm một túi chính có chứa dung dịch chống đông để thu thập máu toàn phần và hai túi phụ. Mỗi túi có thể tích 350ml; Túi chính: Dung dịch CPD để ngăn ngừa đông máu và bảo quản máu; Túi phụ 1: Bảo quản tiểu cầu; Túi phụ 2: chứa dung dịch để bảo quản hồng cầu. (Hoặc tương đương)	Cái	1200
140	Túi máu đơn 250 ml	Gồm 1 túi nhựa PVC có thể tích 250ml chứa dung dịch chống đông và bảo quản máu. (Hoặc tương đương)	Cái	6000
141	Túi nước tiểu 2000ml	Làm từ nhựa y tế PVC, có khóa vận, dây dẫn dài tối thiểu 0,75m, thể tích 2000 ml, có van xả tính năng chống trào ngược có lỗ treo. (Hoặc tương đương)	Cái	9000
142	Cassettes có nắp	Dùng để chuyển đúc bệnh phẩm. Vật liệu nhựa acetylic. Chống lại Hóa chất. Có lỗ. Các cỡ (Hoặc tương đương)	Cái	12000
143	Lọ đựng bệnh phẩm vô trùng	Lọ được sản xuất bằng nhựa không phản ứng với bệnh phẩm chứa bên trong. Có nhãn. (Hoặc tương đương)	Cái	3400
144	Miếng xốp chuyên bệnh phẩm sinh thiết	Dùng để vận chuyển bệnh phẩm (Hoặc tương đương)	Túi	10
145	Ống chống đông Natricitrat 3.8 %	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống tối thiểu 12mm x 75mm, có nắp bằng nhựa. Hóa chất bên trong là Sodium Citrate nồng độ 3.8%. Dùng để xét nghiệm liên quan đến các yếu tố đông máu, tốc độ lắng máu. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu. (Hoặc tương đương)	Cái	60500
146	Ống nghiệm chứa hạt nhựa Poly styrene	Ống 5ml, có vạch chia 2ml, trung tính, có nắp , nhựa dẻo đảm bảo quay ly tâm ống không bị nứt vỡ. Bên trong là hạt nhựa Poly Styrene hình khối. Dùng cho xét nghiệm sinh hoá, miễn dịch. (Hoặc tương đương)	Cái	1000
147	Ống nghiệm EDTA K3	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống tối thiểu 12mm x 75mm, Nắp bằng nhựa bọc cao su phù hợp cho các máy xét nghiệm tự động. Hóa chất bên trong là Tripotassium Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K3). Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml. (Hoặc tương đương)	Cái	24000
148	Ống ly tâm 15ml	Ống nghiệm thể tích 15 ml, dài tối thiểu 116 mm bằng nhựa polypropylene trong suốt (Hoặc tương đương)	Cái	200
149	Ống ly tâm 50ml	Ống nghiệm thể tích 50 ml, dài tối thiểu 116 mm bằng nhựa polypropylene trong suốt (Hoặc tương đương)	Cái	100
150	Ống nghiệm nhựa không nắp	Kích thước ống tối thiểu: 12mm x 75mm dung tích 5ml. Ống nghiệm được sản xuất bằng nhựa PP hoặc PS tinh khiết trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong. Không nắp. (Hoặc tương đương)	Cái	33000

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
151	Ống thủy tinh borosilicate 12 x 75mm (dùng để pha loãng CSE)	Ống thủy tinh borosilicate 12mm x 75mm (Hoặc tương đương)	Gói	3
152	Ống thủy tinh soda lime 10 x 75mm (dùng để thử chứng dương với CSE)	Ống thủy tinh soda lime 10mm x 75mm (Hoặc tương đương)	Gói	1
153	ống xét nghiệm vi sinh	Chất liệu thủy tinh. Túi 1kg (Hoặc tương đương)	Túi	2
154	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh	Túi hậu môn nhân tạo một mảnh xả được. Để gồm 2 vòng dán. Vòng cắt ≤ 70 mm - Túi trong suốt. (Hoặc tương đương)	Cái	3000
155	Ống thông đường thở	Ống thông đường thở được làm từ nhựa cứng PE. Kích thước 4.0 đến 12.0 cm. Đầu canuyn có màu sắc khác nhau giúp phân biệt các cỡ. Được tiệt trùng bằng khí EO. (Hoặc tương đương)	Cái	2000
156	Canuyn mở khí quản	Được làm bằng nhựa PVC, có bóng, các cỡ (Hoặc tương đương)	Cái	390
157	Ống nội khí quản sử dụng một lần các số	Ống nội khí quản sử dụng một lần vật liệu nhựa y tế, các số (Hoặc tương đương)	Bộ	9100
158	Ống thông khí hòm nhĩ	Chất liệu Fluoroplastic hoặc silicone hoặc tương đương - Đường kính trong ≤ 1.27 mm (Hoặc tương đương)	Cái	20
159	Thông mũi	Ống thông mũi, chất liệu: nhựa dùng trong y tế. Kích thước 12cm (Hoặc tương đương)	Cái	10
160	Ống thông niệu quản	Ống thông niệu quản chữ J, có lỗ, chiều dài ≥ 26 cm (Hoặc tương đương)	Cái	600
161	Ống thông phế quản 2 nòng các cỡ	Ống thông phế quản 2 nòng trái hoặc phải, chất liệu PVC y tế hoặc silicon, các cỡ (Hoặc tương đương)	Cái	4
162	Sonde Foley 2 nhánh các số	Sonde Foley 2 nhánh, chất liệu cao su y tế. Kích cỡ từ 12Fr đến 26 Fr. (Hoặc tương đương)	Cái	8400
163	Sonde Foley 3 nhánh	Sonde Foley 3 nhánh chất liệu cao su y tế. Kích thước từ 20Fr đến 22Fr (Hoặc tương đương)	Cái	240
164	Sonde hút đờm kín	Vật liệu PVC y tế, mềm, loại dùng trong ≥ 72 giờ, các cỡ. (Hoặc tương đương)	Cái	40
165	Sonde hút nhót không van kiểm soát các số	Sonde hút nhót không van kiểm soát, được sản xuất từ nhựa PVC y tế. Các số từ 5 đến 18 (Hoặc tương đương)	Cái	36000
166	Sonde nelaton	Chất liệu nhựa PVC y tế, có lỗ, Kích thước ≥ 8 Fr (Hoặc tương đương)	Cái	240

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
167	Thông chữ T các số	Chất liệu: cao su thiên nhiên, Các số từ 16 đến 22 (Hoặc tương đương)	Cái	150
168	Dây dẫn lưu trữ silicon	Dây dẫn lưu trữ silicon, có lỗ, chiều dài ≥ 120 cm. Dây trơn láng, mềm dẻo, có tính đàn hồi. (Hoặc tương đương)	Cái	3000
169	Bộ dây lọc máu thận nhân tạo	Bộ dây lọc máu: 01 bộ bao gồm tối thiểu: dây động mạch, dây tĩnh mạch, phin lọc khí (Hoặc tương đương)	Bộ	7500
170	Ba chạc nhựa có dây, các loại cỡ	Chất liệu nhựa dùng trong y tế. Khóa ba chạc gồm 2 đầu kết nối có nắp vận khóa đóng mở được, có dây nối dài 10cm hoặc 25cm (Hoặc tương đương)	Cái	8000
171	Ba chạc nhựa không dây	Chất liệu nhựa dùng trong y tế. Khóa ba chạc gồm 2 đầu kết nối có nắp vận khóa đóng mở được, không dây (Hoặc tương đương)	Cái	5000
172	Co nối ống nội khí quản	Co nối thẳng, các cỡ, chất liệu nhựa y tế, trong suốt dễ quan sát. (Hoặc tương đương)	Cái	120
173	Catheter 2 nòng 12Fx20cm	Kích thước 12Fx20cm: Bao gồm: 01 catheter 2 nòng chất liệu polyurethane (PUR) có cản quang; 01 Guidewire, 01 kim chữ Y hoặc 01 kim thẳng cỡ 18GA (Introducer Needle); 02 nong; 02 nắp đậy Có kèm dao, bơm tiêm 5ml, băng dính (Hoặc tương đương)	Cái	240
174	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Kích thước: 7Fx20cm: Bao gồm: 1 catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng có chắn bức xạ, dây dẫn đường, nong, nút chặn, kim luồn, dao, xylanh, dây điện cực. (Hoặc tương đương)	Cái	730
175	Kim phẫu thuật các cỡ	Chất liệu bằng thép không gỉ, lưỡi kim cong, mũi kim hình tam giác hoặc hình tròn. Các cỡ (Hoặc tương đương)	Cái	6300
176	Chỉ mắt 10.0	Chỉ Nylon đơn sợi, đường kính 10/0, dài ≥ 30 cm, 2 kim, 3/8C, đầu hình thang (Hoặc tương đương)	Sợi	288
177	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 2/0, 3/0, 4/0, 5/0	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 2/0, 3/0, 4/0, 5/0. Sợi dài tối thiểu 75cm. 2 kim tròn, cong 1/2 vòng tròn (Hoặc tương đương)	Sợi	4500
178	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 6/0	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 6/0: Chất liệu Polypropylene dài tối thiểu 70cm, kim tròn tam giác ngược, 3/8 vòng tròn (Hoặc tương đương)	Sợi	480
179	Chỉ peclon	Thành phần: Sợi tơ tằm. Kích thước ≥ 120 m (Hoặc tương đương)	Cuộn	4
180	Chỉ silk 3/0	Chỉ silk không tan tự nhiên đa sợi 3/0 dài ≥ 75 cm, không kim, Gói ≥ 12 sợi (Hoặc tương đương)	Gói	5000
181	Chỉ phẫu thuật tiêu chặm có kim Collagen các số 0, 1, 2	Chỉ phẫu thuật tiêu chặm có kim Collagen các số 0, 1, 2, có tằm muối Chrome chiều dài ≥ 75 cm, kim tròn hoặc kim tam giác cong 1/2C hoặc 3/8C. (Hoặc tương đương)	Tép	24

INH
VIỆT
IOA
H

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
182	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tan nhanh có kim Collagen số 1	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tan nhanh có kim Collagen số 1, dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C (Hoặc tương đương)	Tép	144
183	Dao mổ phaco 15 độ	Dao mổ phaco 15 độ. Lưỡi dao bằng thép không gỉ. Tiệt trùng. (Hoặc tương đương)	Cái	120
184	Dao mổ phaco 2.8mm	Dao mổ phaco 2.8mm. Lưỡi dao bằng thép không gỉ. Tiệt trùng. (Hoặc tương đương)	Cái	120
185	Dây cưa sọ não	Chất liệu thép ko gỉ. Dây dài ≥ 40 cm, gồm 3 dây xoắn vào nhau, 2 đầu có vòng móc kéo cưa. (Hoặc tương đương)	Sợi	140
186	Lưỡi dao mổ các số	Sản phẩm được làm bằng thép carbon hoặc thép không gỉ, các số. (Hoặc tương đương)	Cái	23000
187	Thủy tinh thể mềm đơn tiêu cự	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, mềm, 1 mảnh nguyên khối cùng chất liệu Hydrophilic Acrylic ngậm nước 26%. Lọc ánh sáng xanh. - Thiết kế phi cầu mặt trước. - Vòng ngăn tế bào đục bao sau 360 ° mặt sau kính. - Lọc tia UV. Góc càng 0°. Càng chữ C. - Đường kính optic 6.0mm, chiều dài kính 12.5mm. - Hằng số A(optical)=118.4, A(acustical)=118.1. Độ sâu tiền phòng ACD : 5.374 - Chỉ số khúc xạ n= 1.46 - Dãy diop từ -20 D đến +60 D. - Vết mổ nhỏ 2.2 mm. Kính được đính kèm cartridge và Injector (Hoặc tương đương)	Cái	200
188	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu cự kèm dụng cụ đặt nhân	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu chất liệu Hydrophobic acrylic - Thủy tinh thể lọc ánh sáng xanh và lọc tia cực tím - Thủy tinh thể có thiết kế phi cầu - Thiết kế 4 càng. - Thủy tinh thể được lắp sẵn trong cartridge - Dải công suất: từ 0D đến 9D bước nhảy 1D; 10D đến 30D bước nhảy 0,5D. (Hoặc tương đương)	Cái	400
189	Thủy tinh thể nhân tạo mềm ba tiêu cự	Thủy tinh thể nhân tạo ba tiêu cự, theo nguyên lý nhiễu xạ. - Chất liệu hydrophilic acrylic - Thiết kế phi cầu hai mặt lõm. - Thiết kế càng chữ C kép. - Dải công suất: từ +6D đến +35D bước nhảy 0,5D. - Công suất bổ sung +3.5D và +1.75D - Sử dụng hệ thống đặt kính kèm theo. (Hoặc tương đương)	Cái	2
190	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản 6 vòng	Đầu thắt được làm từ chất liệu: cao su + nhựa + chỉ, với thiết kế 1 đầu thắt gồm 6 vòng thắt, đường kính đầu thắt ≥ 9.4 mm (Hoặc tương đương)	Cái	180

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
191	Dây dẫn niệu quản	+ Dây dẫn niệu quản vật liệu PTEE có lõi Nitinol. + Có điểm cảm quang ở phía đầu dây dẫn giúp dễ dàng xác định vị trí dây dẫn. + Kích cỡ 0.035 in , dài ≥ 150 cm, đầu tip thẳng mềm 3cm (Hoặc tương đương)	Cái	40
192	Phim khô y tế 20x25 cm	Phim khô y tế 20x25 cm (Hoặc tương đương)	Tờ	5000
193	Bộ dây lọc huyết tương	Bộ dây tách huyết tương cho máy lọc máu Diapact CRRT, một bộ gồm: Dây động mạch, dây tĩnh mạch; Bộ chuyển đổi điện áp quả lọc tách huyết tương, Dây dẫn dịch thay thế, Dây dẫn đầu ra huyết tương; (Hoặc tương đương)	Bộ	8
194	Quả lọc huyết tương	Màng lọc tách huyết tương diện tích ≥ 0.5 m ² , chất liệu polyethersulfone, đường kính trong sợi màng ≤ 300 micromet, độ dày thành sợi ≤ 100 micromet, kích thước lỗ màng tối đa 0.5 micromet, thể tích khoang máu ≥ 48 ml, thể tích khoang huyết tương ≥ 154 ml, Lưu lượng máu tối thiểu 60ml/phút tối đa 180 ml/phút, tốc độ huyết tương = 30% tốc độ máu, áp lực xuyên màng tối đa 100mmHg. (Hoặc tương đương)	Quả	8
195	Quả lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	Chất liệu màng: Polyethersulfone, chất liệu vỏ Polypropylene • Hệ số siêu lọc Kuf: 21 ml/h/mmHg • Diện tích màng: 1,4m ² • Thể tích mỗi: 78 ml • Tiết trùng bằng chiếu xạ (Hoặc tương đương)	Quả	700
196	Chất nhầy dụng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco 2%	Hàm lượng: 2.0% Hydroxypropyl methylcellulose (HPMC) - Dung tích: 2ml/1xilan (Hoặc tương đương)	Lọ/ống	500
197	Dây silicon mổ lệ	Chất liệu silicon, dài ≥ 10 cm (Hoặc tương đương)	Cái	10
198	Dụng cụ cắt trĩ Longo	- Đường kính ngoài: 32 mm - Chiều dài ghim: 3.8mm ($\pm 5\%$) - Đường kính trong của ghim: 0.28mm ($\pm 5\%$) (Hoặc tương đương)	Bộ	15
199	Điện cực cắt, đốt trong phẫu thuật nội soi cắt u tuyến tiền liệt	Là loại điện cực đơn cực 1 chân dùng nhiều lần. Sử dụng phù hợp với vỏ đặt tay cắt u xơ tiền liệt tuyến cỡ 24Fr hoặc 26Fr (Hoặc tương đương)	Cái	100

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
200	Nẹp cổ cứng các cỡ	Chức năng: Cố định đốt sống cổ. Chất liệu 2 mảnh mút EVA, khóa Velcro. (Hoặc tương đương)	Cái	150
201	Bộ Kite tách huyết tương tươi giàu tiểu cầu size M	Có 3 khoang khép kín, hình trụ thẳng. Có khóa chốt bằng ren vặn. Có nắp đậy cửa bơm máu và cửa thông khí. Có vạch đo thể tích chứa PRP. Dung tích khoang chứa máu $\geq 30\text{ml}$. Mỗi kit được bao gói trong túi ép vô khuẩn. Quy cách đóng gói 5 bộ/ hộp. Toàn bộ quy trình tách chiết hoàn toàn khép kín, đảm bảo vô trùng. (Hoặc tương đương)	Bộ	50
202	Bộ Kite tách huyết tương tươi giàu tiểu cầu size S	Có 3 khoang khép kín, hình trụ thẳng. Có khóa chốt bằng ren vặn. Có nắp đậy cửa bơm máu. Có nắp đậy cửa thông khí bịt bằng chốt cứng vặn ren. Có vạch đo thể tích chứa PRP. Dung tích khoang chứa máu 15ml. Mỗi kit được bao gói trong túi ép vô khuẩn. Quy cách đóng gói là 5 kit/hộp. Toàn bộ quy trình Kít triết tách hoàn toàn khép kín, đảm bảo vô trùng. (Hoặc tương đương)	Bộ	50
203	Ống dẫn lưu đường mật (ống dẫn lưu Kehr hoặc chữ T)	Được sử dụng để dẫn lưu hậu phẫu ngắn hạn của ống mật. Kích cỡ 10, 12, 14, 16, 18FG dài 20x 60cm (Hoặc tương đương)	Cái	150
204	Đầu côn vàng	Chất liệu: Polypropylene. Dung tích 200ul ($\pm 5\%$) (Hoặc tương đương)	Cái	85000
205	Đầu côn xanh	Được làm bằng PP tinh khiết - Màu: Xanh - Dung tích: 1000 μL ($\pm 5\%$) (Hoặc tương đương)	Cái	24000
206	Đầu đo huyết áp xâm nhập	Đo 2 kênh, tĩnh mạch và động mạch. Chiều dài dây áp lực tối thiểu 150cm, tốc độ dòng chảy tối thiểu 3cc. (Hoặc tương đương)	Bộ	60
207	Clip cầm máu nội soi	Kẹp Clip cầm máu dùng một lần có đường kính mở 11mm, xoay chiều. Chiều dài $\geq 1600\text{mm}$. Kênh làm việc tối thiểu 2.8mm. Đóng mở nhiều lần (Hoặc tương đương)	Cái	600
208	Clip Titan Các cỡ	Chất liệu: Titanium. Hình chữ V. Các cỡ (Hoặc tương đương)	Cái	800
209	Mask khí dung	Chất liệu nhựa y tế. Dây dẫn có chiều dài $\geq 2\text{m}$. Các cỡ. Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí mặt nạ và mũi bệnh nhân. Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. Có cốc đựng thuốc. (Hoặc tương đương)	Cái	120
210	Mask ampu người lớn.	Mask silicone dùng cho bóp bóng các cỡ. (Hoặc tương đương)	Cái	10
211	Mask thở oxy	Chất liệu nhựa y tế. Dây dẫn có chiều dài $\geq 2\text{m}$. Các cỡ. Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí mặt nạ và mũi bệnh nhân. Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. (Hoặc tương đương)	Cái	1200

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
212	Mũi khoan Mini	Mũi khoan dùng cho vít đường kính 2.0mm, độ dài mũi khoan 60.0mm ($\pm 5\%$) (Hoặc tương đương)	Cái	60
213	Phin lọc nước 50cm	Phin lọc nước 50cm 5ul. Chất liệu nhựa Polypropylene (Hoặc tương đương)	Quả	250
214	Phin lọc nước 50cm loại 1 Microns	Phin lọc nước 50cm loại 1 Microns. Chất liệu nhựa Polypropylene (Hoặc tương đương)	Quả	80
215	Bộ gây tê ngoài màng cứng đầy đủ	Bao gồm tối thiểu: Kim đầu cong Tuohy G18 - catheter, bơm tiêm giảm kháng lực, Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.2 μm , có đầy đủ bơm tiêm và kim chích thuốc (Hoặc tương đương)	Bộ	30
216	Mặt nạ cố định đầu - vai - ngực (5 điểm)	Lưới Mặt nạ được làm từ Chất liệu Polymer cao phân tử (Polycaprolactone) dẻo ở nhiệt độ thấp. Nó mềm mại ở nhiệt độ 65 độ C. Và ở dạng rắn ở nhiệt độ bình thường. Đảm bảo việc tạo khung cố định cho bệnh nhân một cách chính xác. Đồng thời tạo sự thoải mái và không gây kích ứng với da bệnh nhân. Mặt nạ được thêm Magnesium nanocomposite giúp kháng khuẩn cho bệnh nhân. Phần Khung được làm từ nhựa cứng ABS(Acrylonitrile Butadien Styrene) đảm bảo sự chắc chắn với 5 điểm cố định. (Hoặc tương đương)	Cái	120
217	Ampu bóp bóng các cỡ	Bóng bóp dùng cho máy giúp thở, dung tích 3L, bằng silicone, dùng nhiều lần. Chất liệu nhựa PVC. Dây oxy chất liệu PVC dài $\geq 2\text{m}$. Mặt nạ chất liệu nhựa y tế (Hoặc tương đương)	Cái	15
218	Áo phẫu thuật	Chất liệu vải không dệt, dùng một lần, có phần gia cố (Hoặc tương đương)	Cái	70
219	Panh bazabop 15cm	Chất liệu thép không gỉ. Chiều dài 15cm (Hoặc tương đương)	Cái	1
220	Bát inox	Chất liệu Inox, đường kính 8cm hoặc 10 cm (Hoặc tương đương)	Cái	8
221	Bình cầu đáy bằng 500ml	Bình cầu đáy bằng 500ml. Chất liệu thủy tinh (Hoặc tương đương)	Cái	20
222	Bình dẫn lưu màng phổi	Vật liệu PVC y tế, kích thước 1600ml, ống dẫn lưu chống xoắn. Thiết kế đơn giản, nhựa trong, chống vỡ (Hoặc tương đương)	Cái	4
223	Bình làm ấm oxy	Bình làm ấm oxy. Dung tích $\geq 200\text{ml}$ (Hoặc tương đương)	Cái	5
224	Cán dao mổ	Làm bằng chất liệu thép không gỉ. Cán dao mổ xoay tròn (Hoặc tương đương)	Cái	10
225	Chậu thủy tinh	Chất liệu thủy tinh, đường kính 20cm (Hoặc tương đương)	Cái	1
226	Chổi cước nhỏ	Chất liệu cước mềm mại. Chiều dài $\geq 20\text{ cm}$. Túi 1 cái. Dùng để vệ sinh ống nghiệm (Hoặc tương đương)	Cái	5
227	Chổi cước to	Chất liệu cước mềm mại. Chiều dài $\geq 35\text{ cm}$ Túi 1 cái. Dùng để vệ sinh ống nghiệm (Hoặc tương đương)	Cái	20

TIN
H V
KH
INH
★

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
228	Cốc có mỏ 20 ml	Chất liệu thủy tinh. Dung tích 20ml (Hoặc tương đương)	Cái	5
229	Cốc có mỏ 50 ml	Chất liệu thủy tinh. Dung tích 50ml (Hoặc tương đương)	Cái	5
230	Dây cao su 8mm	Dây bằng chất liệu cao su y tế, đường kính 8mm, dùng để hút dịch trong phẫu thuật (Hoặc tương đương)	Kg	1000
231	Dây dẫn lưu nhựa	Đường kính ống 8mm, chất liệu nhựa y tế; thành ống trơn láng không gập gập (Hoặc tương đương)	Mét	720
232	Dây garo vải	Chất liệu thun cotton, dùng thắt mạch, có khóa nhựa chắc chắn (Hoặc tương đương)	Cái	300
233	Dây garo cao su	Được làm bằng cao su tự nhiên kích thước 6-7cmx100cm (Hoặc tương đương)	Cái	30
234	Dây cao su 6mm	Chất liệu cao su y tế. Đường kính 6 mm, chiều dài \geq 100cm. Dùng để garo trong lấy máu nhân đạo (Hoặc tương đương)	Cái	50
235	Đèn cồn	Thể tích: 150ml Chất liệu: thân thủy tinh, dây tim và nắp chụp nhựa chịu nhiệt (Hoặc tương đương)	Cái	55
236	Bộ đèn đặt nội khí quản	Cấu hình bao gồm: - Lưới thẳng Miller số 0 (bóng đèn chân không 2.7V nằm trên lưới) - Lưới cong Macintosh số 1/2/3/4 (bóng đèn chân không 2.7V nằm trên lưới) - Cán tay cầm pin trong, dạng không sọc (Hoặc tương đương)	Bộ	10
237	Đĩa Eco	Khay (đĩa) đựng mẫu bằng nhựa (Hoặc tương đương)	Hộp	1
238	Đĩa Petri nhựa	Đĩa được làm bằng nhựa PS, đường kính 90mm và chiều cao 15mm. Tiệt trùng. (Hoặc tương đương)	Cái	3000
239	Đồng hồ oxy 1 đồng hồ	Chất liệu đồng thau, tốc độ dòng chảy từ 1 -15l/phút. Bộ bao gồm: Dây thở oxy, mặt nạ oxy, bình tạo âm. (Hoặc tương đương)	Cái	20
240	Đồng hồ oxy 2 đồng hồ	Các thành phần: Bộ phận điều chỉnh; Điều hoà áp suất; Đồng hồ áp suất; Cột lưu lượng.; Bình tạo âm; Khoá vận. (Hoặc tương đương)	Cái	1
241	Dụng cụ lấy sỏi tiết niệu (rọ lấy sỏi)	Dùng để lấy sỏi niệu quản, thận, loại dùng 1 lần các cỡ, Đường kính: 3Fr; Chiều dài tối thiểu 90cm; Loại 4 dây; Tay cầm dạng trượt dễ dàng thao tác không mỏi tay khi sử dụng lâu. (Hoặc tương đương)	Cái	20
242	Ecartoparabop	Chất liệu thép không gỉ (Hoặc tương đương)	Cái	6
243	Filter dùng cho máy đo chức năng hô hấp	Lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp KoKo PFT. Đường kính ngoài 48mm Hiệu suất lọc vi khuẩn \geq 99%, vi rút \geq 99%. (Hoặc tương đương)	Cái	100

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
244	Giá đỡ ống nghiệm inox 20 lỗ	Giá đỡ ống nghiệm bằng inox có 20 lỗ (Hoặc tương đương)	Cái	2
245	Giấy in 2 lớp máy 100S	- Giấy in 2 lớp dùng in kết quả xét nghiệm - Chiều rộng cuộn giấy 76mm, chiều dài tương đương 30m (±10%). (Hoặc tương đương)	Cuộn	12
246	Giấy lọc	Dùng để lọc dung môi, tách tạp chất ra khỏi dung dịch (Hoặc tương đương)	Tờ	100
247	Hộp đựng bông cotton phi 8	Chất liệu inox, đường kính 8 cm (Hoặc tương đương)	Cái	15
248	Hộp hấp đường kính 30 cao 22cm	Chất liệu inox, đường kính 30 cm, cao 22 cm (Hoặc tương đương)	Cái	5
249	Hộp inox chữ nhật 22cm x 10 cm	Chất liệu Inox, kích thước 10cm x 22 cm (Hoặc tương đương)	Cái	60
250	Hộp inox phi 36cm x 29 cm	Chất liệu inox. Kích thước 36cm x 29 cm. Có lỗ (Hoặc tương đương)	Cái	5
251	Hộp inox phi 36cm x 50 cm	Chất liệu inox. Kích thước 36cm x 50 cm. Có lỗ (Hoặc tương đương)	Cái	3
252	Hộp lồng thủy tinh đường kính 10cm	Chất liệu thủy tinh trong suốt đường kính 10cm. (Hoặc tương đương)	Cái	1000
253	Hộp lồng thủy tinh 7.5cm	Chất liệu thủy tinh trong suốt đường kính 7,5cm. (Hoặc tương đương)	Cái	5000
254	Hộp típ 200ul, đã tiệt trùng.	Hộp típ 200ul, đã tiệt trùng. (Hoặc tương đương)	Hộp	2
255	Kéo cong 10cm	Chất liệu thép không gỉ. Kéo cong dài 10 cm (Hoặc tương đương)	Cái	15
256	Kéo thẳng 10cm	Chất liệu thép không gỉ. Kéo thẳng dài 10 cm (Hoặc tương đương)	Cái	50
257	Kéo thẳng 16 cm	Chất liệu thép không gỉ. Kéo thẳng dài 16 cm (Hoặc tương đương)	Cái	20
258	Kéo thẳng 18cm	Chất liệu thép không gỉ. Kéo thẳng dài 18 cm (Hoặc tương đương)	Cái	130
259	Kẹp banh khí quản laborde	Chất liệu thép không gỉ (Hoặc tương đương)	Cái	2
260	Kẹp cong 16cm	Chất liệu thép không gỉ. Kẹp cong dài 16cm (Hoặc tương đương)	Cái	24
261	Kẹp cong 18cm	Chất liệu thép không gỉ. Kẹp cong dài 18cm (Hoặc tương đương)	Cái	40
262	Kẹp khuỷu	Chất liệu thép không gỉ. Kẹp khuỷu dài tối thiểu 12cm (Hoặc tương đương)	Cái	30
263	Kẹp phẫu tích 18cm	Chất liệu thép không gỉ. Kẹp phẫu tích có máu hoặc không máu dài 18 cm. (Hoặc tương đương)	Cái	120
264	Kẹp phẫu tích 25cm	Chất liệu thép không gỉ. Kẹp phẫu tích có máu hoặc không máu dài 25 cm. (Hoặc tương đương)	Cái	32
265	Kẹp phẫu tích không máu 14cm	Chất liệu thép không gỉ. Kẹp phẫu tích không máu dài 14 cm. (Hoặc tương đương)	Cái	12

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
266	Kẹp răng chuột	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương. Kẹp răng chuột dài tối thiểu 18 cm. (Hoặc tương đương)	Cái	12
267	Kẹp thẳng 14cm	Chất liệu thép không gỉ. Kẹp thẳng dài 14cm (Hoặc tương đương)	Cái	7
268	Kẹp thẳng 18cm	Chất liệu thép không gỉ. Kẹp thẳng dài 18cm (Hoặc tương đương)	Cái	230
269	Khay inox 25cm x 20cm	Chất liệu inox. Kích thước 25cm x 20cm (Hoặc tương đương)	Cái	42
270	Khay inox 30cm x 40cm	Chất liệu inox. Kích thước 30cm x 40cm (Hoặc tương đương)	Cái	24
271	Khay quả đậu	Chất liệu inox. Kích thước tối thiểu 250mm (Hoặc tương đương)	Cái	82
272	Kim mang kim 20cm	Chất liệu thép không gỉ, dài 20cm (Hoặc tương đương)	Cái	34
273	Kim mang kim 20cm (đầu to)	Chất liệu thép không gỉ, dài 20cm, đầu to (Hoặc tương đương)	Cái	15
274	Kim mang kim chuỗi vàng 18cm	Chất liệu thép không gỉ. Kim mang kim cán vàng dài tối thiểu 18cm (Hoặc tương đương)	Cái	45
275	Lamen 22mmx50mm	Làm bằng thủy tinh borosilicate. Kích thước 22mmx50mm. Hộp 100 cái (Hoặc tương đương)	Hộp	50
276	Lam kính mài	Lam kính mài một đầu. Kích thước tối thiểu 25mm x 76mm (Hoặc tương đương)	Hộp	240
277	Lam kính trong	Lam kính không mài. Kích thước tối thiểu 25mm x 76mm (Hoặc tương đương)	Hộp	1000
278	Lamen 22mmx22mm	Làm bằng thủy tinh borosilicate. Kích thước 22mmx22mm. Hộp 100 cái (Hoặc tương đương)	Hộp	180
279	Lọ công tơ hút	Chất liệu thủy tinh, các cỡ (Hoặc tương đương)	Cái	10
280	Lọ nút mài 1 L	Chất liệu thủy tinh, dung tích 1.000ml. Màu nâu (Hoặc tương đương)	cái	3
281	Lọ nút mài 500ml	Chất liệu thủy tinh, dung tích 500ml (Hoặc tương đương)	cái	1
282	Mũ phẫu thuật	Nguyên liệu vải không dệt không thấm. Mũ may dạng tròn (Hoặc tương đương)	Cái	11000
283	Nhiệt kế thủy ngân	Được làm từ thủy tinh trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân; Nhiệt độ đo được tối đa 35-42°C (Hoặc tương đương)	Cái	300
284	Ống cầm Panh Inox	Trụ cầm panh có chiều dài ≥ 16 cm, vật liệu bằng inox (Hoặc tương đương)	Cái	19
285	Ống đong thủy tinh	Thủy tinh kiềm chịu nhiệt $\leq 100^\circ\text{C}$ (Hoặc tương đương)	cái	1
286	Ống hút cong nhựa	Chất liệu nhựa dùng cho y tế (Hoặc tương đương)	Cái	100

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
287	Ống hút mũi	Chất liệu thép không gỉ. Kích cỡ $\geq 14,5$ cm (Hoặc tương đương)	cái	10
288	Ống hút tai	Chất liệu thép không gỉ. Các cỡ (Hoặc tương đương)	cái	10
289	Ống thổi	Chất liệu: Giấy, dùng 1 lần Sử dụng cho máy đo chức năng hô hấp (Hoặc tương đương)	Cái	1200
290	Ống TUBETRALTE	Ống tube sử dụng trong xét nghiệm (Hoặc tương đương)	Cái	1500
291	Phễu thủy tinh	Chất liệu thủy tinh, độ dày đồng nhất, chịu được tính ăn mòn cao, dung tích 1000 ml. Dùng để lọc hóa chất (Hoặc tương đương)	cái	1
292	Phiến nhựa định nhóm máu	Chất liệu nhựa. 96 lỗ (Hoặc tương đương)	cái	200
293	Quả bóp huyết áp	Chất liệu cao su. mềm. dễ sử dụng (Hoặc tương đương)	Cái	20
294	Quả lọc hấp phụ resin	Vật liệu vỏ: PC Vật liệu hấp phụ: các hạt Resin. Thể tích hấp phụ: 330ml. Kèm dây nối (Hoặc tương đương)	Bộ	80
295	Quả lọc thô nước RO 50cm	Vật liệu: Polypropylen . Độ dài 20inch. Cấp độ lọc 5 μ m. Đường kính trong 28/30mm, đường kính ngoài 60/63mm (Hoặc tương đương)	Quả	72
296	Que bệt lấy mẫu bệnh phẩm cổ tử cung	Dùng để lấy mẫu bệnh phẩm tử cung, làm bằng gỗ (Hoặc tương đương)	cái	500
297	Que cấy nhựa 1ul	Đầu que cấy, 1 đầu tròn, 1 đầu thẳng nhọn, dung tích 1ul (Hoặc tương đương)	Cái	500
298	Que ngoáy thủy tinh	Chất liệu thủy tinh có khả năng chống ăn mòn kháng axit và kiềm (Hoặc tương đương)	cái	1000
299	Ống PCR	Dây 8 ống PCR thể tích 0,1 ml (Hoặc tương đương)	Strip	6000
300	Tấm bông inox	Đầu bông được làm từ 100% bông xơ tự nhiên. Thân làm bằng inox (Hoặc tương đương)	cái	30
301	Tấm trải nilon 100cm x 130 cm	Kích thước 100cmx130 cm. Đã tiệt trùng bằng khí EO (Hoặc tương đương)	Cái	1200
302	Tay khoan nha khoa	Tay khoan dùng trong nha khoa kèm phụ kiện (Hoặc tương đương)	Cái	5
303	Thẻ định danh đeo tay người bệnh	Chất liệu nhựa y tế. Các cỡ, các màu. Có nút bấm (Hoặc tương đương)	cái	30000
304	Túi Oxy	Chất liệu cao su tự nhiên, dung tích 42 lít (Hoặc tương đương)	Cái	30
305	Vật đá nam (nhựa)	Chất liệu nhựa. Dung tích 1 lít (Hoặc tương đương)	Cái	7
306	Bơm tiêm thuốc cân quang 190ml	Bơm cân quang 190 ml và phụ kiện kèm theo; Bơm sử dụng cho hệ thống máy chụp CT (Hoặc tương đương)	Cái	50

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
307	Bơm tiêm thuốc cân quang 200ml	Bơm cảm quang 200 ml và phụ kiện kèm theo; Bơm sử dụng cho hệ thống máy chụp CT (Hoặc tương đương)	Cái	60
308	Ống nghiệm thủy tinh 1,2 cm x 6cm	Chất liệu thủy tinh, kích thước: 1,2 cm x 6cm (Hoặc tương đương)	Cái	9000
309	Ống nghiệm thủy tinh 12x0,8cm	Chất liệu thủy tinh, kích thước: 12x0,8cm (Hoặc tương đương)	cái	1000
310	Ống nghiệm thủy tinh 12x12 cm	Chất liệu thủy tinh, kích thước: 12cm x 1.2cm (Hoặc tương đương)	cái	1200
311	Ống nghiệm thủy tinh 18x1,8.	Chất liệu thủy tinh, kích thước: 18cm x 1.8cm (Hoặc tương đương)	Cái	500
312	Quả lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron (Polyethersulfone), không chứa Bisphenol-A(BPA), không DEHP. - Diện tích: 1.7 m ² . - Thể tích mỗi: 108mL. - Hệ số siêu lọc: KUF: 22 (mL/giờ/mmHg). - TMP: 500mmHg. - Vỏ quả lọc: Polypropylene. (Hoặc tương đương)	Quả	1400
313	Dây máy thở dùng 1 lần 2 bể nước	Bộ dây máy thở cao tần, dây gọn sóng, dùng một lần, dùng cho người lớn được làm từ vật liệu Polyethylene cấp độ y tế. - Gồm 02 dây dài: 160cm, đường kính: 22mm. - Thiết kế với 2 bể nước giúp hạn chế hơi nước ngưng đọng trong lòng dây thở. - Thiết kế co chữ Y có công, có rãnh khắc giúp loại bỏ việc tắc nghẽn và rò rỉ bên trong ống dây. - Đầu nối chữ L có 2 công lấy mẫu khí có đường kính ngoài là 10 mm và 4,9 mm. - Bộ sản phẩm được đính kèm dây Limb loại gọn sóng dài 80cm nối bộ làm ẩm và co nối thẳng 22mmF-22mmF. - Tiệt trùng: Ethylen Oxide. (Hoặc tương đương)	Cái	100

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
314	Cathete đường hầm dài ngày loại thẳng	<p>Catheter đường hầm size 14,5F, loại đặt dài hạn, loại đầu thẳng 2 đường, được làm bằng chất liệu Cabothane, có tính đàn hồi cao, dễ dàng uốn cong 180 độ</p> <p>- Tốc độ: ≥ 400 ml phút</p> <p>- Có cảm quang để kiểm tra vị trí đặt</p> <p>Quy cách đóng gói 1 bộ bao gồm chi tiết</p> <p>01 catheter 14.5Fr;</p> <p>01 kim hướng dẫn 18G;</p> <p>01 guide wire 0.038";</p> <p>01 thông nông 12Fr</p> <p>01 cây tạo hầm,</p> <p>01 thông luân catheter,</p> <p>01 bơm tiêm 12cc</p> <p>01 dao số 11:</p> <p>02 băng tiệt trùng Telfa</p> <p>02 nắp đậy, 04 gạc 4x4</p> <p>(Hoặc tương đương)</p>	Bộ	5
315	Cathete đường hầm dài ngày	<p>Catheter lọc máu đường hầm 2 nòng dùng trong lọc máu. Chất liệu polyurethane có thể tương thích với cồn và iot, 14.5Fr. dài 24-28cm</p> <p>Thiết kế thân thẳng và cong, tốc độ lưu thông ≥ 400ml/phút. Thiết kế nòng double "D". đầu động mạch dạng chẻ góc</p> <p>- Bộ phận đi kèm</p> <p>Catheter, 1 Kim</p> <p>- 1 Dây dẫn đường đầu chữ J0.035"x70cm</p> <p>2 Que nong</p> <p>1 Đường hầm</p> <p>1 Van siêu âm dẫn đường</p> <p>2 nút đặt catheter</p> <p>- Tiệt khuẩn</p> <p>Có nhiều loại: thẳng và cong</p> <p>(Hoặc tương đương)</p>	Bộ	5
316	Mặt nạ cố định bụng chậu	<p>- Lưới nhựa/ mặt nạ được làm từ chất liệu polymer cao phân tử (Polycaprolactone) rắn ở nhiệt độ bình thường, mềm ở nhiệt độ 50 - 70 độ C. Phần khung được làm từ nhựa cứng ABS đảm bảo sự chắc chắn với 03 điểm cố định.</p> <p>(Hoặc tương đương)</p>	Cái	150
317	Mặt nạ cố định ngực	<p>- Lưới nhựa/ mặt nạ được làm từ chất liệu polymer cao phân tử (Polycaprolactone) rắn ở nhiệt độ bình thường, mềm ở nhiệt độ 50 - 70 độ C. Phần khung được làm từ nhựa cứng ABS đảm bảo sự chắc chắn với 03 điểm cố định.</p> <p>- Độ dày 3.2mm; độ bao phủ 24% hoặc 42%</p> <p>(Hoặc tương đương)</p>	Cái	250



STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Số lượng
318	Mặt nạ cố định đầu (3 điểm)	- Lưới nhựa/ mặt nạ được làm từ chất liệu polymer cao phân tử (Polycaprolactone) rắn ở nhiệt độ bình thường, mềm ở nhiệt độ 65 - 75 độ C. Phần khung được làm từ nhựa cứng ABS đảm bảo sự chắc chắn với 03 điểm cố định. - Độ dày 2.4mm hoặc 3.2mm; độ bao phủ 24% hoặc 36% (Hoặc tương đương)	Cái	20

Ghi chú: Yêu cầu về thông số kỹ thuật, đơn vị tính theo yêu cầu báo giá trên chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà cung cấp; nhà cung cấp có thể báo giá những hàng hóa có thông số kỹ thuật, đơn vị tính tương đương hoặc tốt hơn (Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Vì vậy nhà thầu có thể chào các hàng hóa có thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “tốt hơn” so với yêu cầu báo giá).





Phụ lục II: Mẫu báo giá (1)

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Thái Bình

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện đa khoa Tỉnh Thái Bình, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các vật tư, thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các vật tư, thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

Số TT	Số TT yêu cầu báo giá	Danh mục vật tư, thiết bị y tế (2)	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Ký, mã, nhãn hiệu, model (3)	Phân loại TTBYYT	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Mã HS (4)	Năm sản xuất	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Số lượng/ Khối lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1		Danh mục A														
2		Danh mục B														
n															

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của vật tư, thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:, kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2024 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].

3. Chúng tôi cam kết

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.



- Cam kết chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình; cam kết bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá).
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

....., ngày tháng năm 2024

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(Ký, họ tên, chức vụ, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục vật tư, thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, của vật tư, thiết bị y tế tương ứng với chủng loại vật tư thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục vật tư, thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng vật tư, thiết bị y tế

